

PHIẾU NHẬN XÉT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Họ và tên người nhận xét: TS Trần Thùy Dương

Chức danh: Năm phong:

Học vị: Tiến sĩ Năm bảo vệ: 2007

Cơ quan công tác: Khoa Trắc địa – Bản đồ và QLDD, Trường Đại học Mỏ - Địa Chất

Ngành: Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ

Tên chương trình đào tạo: Chương trình đào tạo Đại học chính quy, chuyên ngành Trắc địa ảnh, viễn thám và Hệ thống tin địa lý; Mã số: 752050305

Của Bộ môn Đo ảnh và Viễn thám, Khoa Trắc địa – Bản đồ và Quản lý đất đai, Trường đại học Mỏ - Địa chất;

Ý KIẾN NHẬN XÉT

1. Về chất lượng chương trình

Chương trình được xây dựng theo đúng chương trình khung do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành cho khối ngành Kỹ thuật.

Chương trình đào tạo đại học, chuyên ngành Trắc địa ảnh, viễn thám và Hệ thống tin địa lý của Bộ môn Đo ảnh và Viễn thám, Khoa Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai, Trường đại học Mỏ- Địa chất có nội dung hợp lý, logic và khoa học. Có chất lượng tốt, khối lượng kiến thức từ các môn học cung cấp cho người học những kiến thức chuyên môn và công nghệ đáp ứng với nhu cầu thực tiễn sản xuất hiện nay. Nội dung chương trình gồm hai hướng chuyên sâu: (1) Trắc địa ảnh - Viễn thám với 164 tín chỉ và (2) Đối với hướng chuyên sâu Viễn thám - GIS với 163 tín chỉ, với thời gian đào tạo 5 năm được thiết kế phù hợp với mục tiêu và trình độ đào tạo hệ đại học chính quy chuyên ngành Trắc địa ảnh, viễn thám và Hệ thống tin địa lý.

Bên cạnh những môn học lý thuyết thì người học còn được thực hành các môn chuyên ngành đào tạo giúp người học tổng quan được những kiến thức đã học để vận dụng vào thực tiễn sản xuất.

2. Về hình thức chương trình

Đề cương các môn học được trình bày sạch đẹp, rõ ràng. Chương trình đào tạo được sắp xếp một cách hợp lý và logic. Bố cục chặt chẽ, đảm bảo tính thống nhất giữa tất cả các học phần của chương trình đã được xây dựng

Ý KIẾN ĐỀ NGHỊ

Chương trình đào tạo Đại học chính quy, chuyên ngành Trắc địa ảnh, viễn thám và GIS - ngành Kỹ thuật Trắc địa – Bản đồ do Trường đại học Mở - Địa chất lập về cơ bản đáp ứng yêu cầu đào tạo Kỹ sư chuyên ngành Trắc địa ảnh, viễn thám và GIS trong giai đoạn hiện nay.

Ngày 11 tháng 4 năm 2018

Người nhận xét



TS. Trần Thùy Dương

PHIẾU NHẬN XÉT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Họ và tên người nhận xét: PGS.TS Trần Văn Anh

Chức danh: PGS

Năm phong: 2016

Học vị: Tiến sĩ:

Năm bảo vệ: 2007

Cơ quan công tác: Bộ môn Đo ảnh và Viễn thám, Trường Đại học Mỏ - Địa chất

Tên chương trình đào tạo: Chương trình đào tạo Đại học chính quy, chuyên ngành

Trắc địa ảnh, viễn thám và Hệ thống tin địa lý; Mã số: 752050305

Của Bộ môn Đo ảnh và Viễn thám, khoa Trắc địa – Bản đồ và Quản lý đất đai,

Trường đại học Mỏ - Địa chất;

Ý KIẾN NHẬN XÉT

1. Về chất lượng chương trình

Chương trình đào tạo Đại học, chuyên ngành Trắc địa ảnh, viễn thám và Hệ thống tin địa lý có chất lượng tốt, có sự cập nhật các kiến thức hiện đại trong đào tạo Trắc địa ảnh, viễn thám và Hệ thống tin địa lý trên cơ sở tham khảo chương trình khung của một số trường đại học trên thế giới như: Nga, Pháp, Trung Quốc, Đài Loan,...và các chương trình đào tạo của một số cơ sở đào tạo trong nước như Trường đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội, Trường đại học Nông Lâm thành phố Hồ Chí Minh,...

Nội dung, cấu trúc của chương trình phù hợp với thời gian đào tạo 5 năm. Đề cương chi tiết được biên soạn đầy đủ, chi tiết, đảm bảo đúng số tín chỉ của môn học. Các môn học trong từng kỳ và giữa các kỳ có sự sắp xếp logic và khoa học, giúp cho người học nắm được kiến thức các môn học đại cương, môn học cơ sở ngành và môn học chuyên ngành. Bên cạnh các môn học lý thuyết, người học còn được đi thực tập tại các cơ sở sản xuất bên ngoài để có thể nắm rõ hơn những kiến thức lý thuyết đã được học trong trường, biết cách vận dụng vào thực tiễn. Thời lượng thực tập được sắp xếp hợp lý, nội dung rõ

ràng, giúp sinh viên có được hình dung nhất định về công việc chuyên môn của mình. Từ đó, người học có được tâm thế chủ động trang bị những kiến thức cần thiết cho mình cả về nhận thức, lý luận và các kỹ năng cần thiết cho công việc sau này.

2. Về hình thức chương trình

Chương trình đào tạo đại học được đánh máy rõ ràng, sạch đẹp, các chương mục, tiểu mục được trình bày, sắp xếp khoa học, hợp lý. Bố cục chặt chẽ, đảm bảo tính thống nhất giữa tất cả các học phần của chương trình đã được xây dựng.

Ý KIẾN ĐỀ NGHỊ

Chương trình đào tạo Đại học chính quy, chuyên ngành Trắc địa ảnh, viễn thám và Hệ thống tin địa lý do Trường đại học Mở - Địa chất lập về cơ bản đáp ứng yêu cầu đào tạo Kỹ sư ngành Trắc địa – Bản đồ trong giai đoạn hiện nay.

Ngày 11 tháng 4 năm 2018

Người nhận xét



PGS.TS Trần Văn Anh

PHIẾU NHẬN XÉT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Họ và tên người nhận xét: TS. Đỗ Thị Hoài

Chức danh: Năm phong:

Học vị: Tiến sĩ: Năm bảo vệ: 2016

Cơ quan công tác: Viện Khoa học đo đạc Bản đồ Việt Nam

Tên chương trình đào tạo: Chương trình đào tạo Đại học chính quy, chuyên ngành Trắc địa ảnh, viễn thám và Hệ thông tin địa lý; Mã số: 752050305

Của Bộ môn Đo ảnh và Viễn thám, khoa Trắc địa – Bản đồ và Quản lý đất đai, Trường đại học Mỏ - Địa chất;

Ý KIẾN NHẬN XÉT

1. Về chất lượng chương trình

Chương trình đã có sự cập nhật các kiến thức hiện đại trong đào tạo Trắc địa ảnh, viễn thám và Hệ thông tin địa lý trên cơ sở tham khảo chương trình khung của một số trường đại học trên thế giới và có tính đến yêu cầu phát triển khoa học công nghệ trong lĩnh vực Trắc địa ảnh, viễn thám và hệ thông tin địa lý trong xu thế hội nhập cũng như sự phát triển của khoa học công nghệ ở trong và ngoài nước.

Mục tiêu của chương trình phù hợp với xu thế đào tạo trong và ngoài nước hiện nay đối với ngành đào tạo Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ và phù hợp với chuyên ngành Trắc địa ảnh, viễn thám và Hệ thông tin địa lý trình độ Đại học chính quy.

Về nội dung: Chương trình được xây dựng theo đúng khung chương trình đại học khối ngành kỹ thuật do Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành do đó đảm bảo được các khối lượng kiến thức từ cơ bản cho đến kiến thức chuyên môn. Nội dung chương trình được thiết kế với thời gian đào tạo 5 năm và hai hướng chuyên sâu: Trắc địa ảnh - Viễn thám (164 tín chỉ) và hướng chuyên sâu Viễn thám - GIS (163 tín chỉ). Chương trình thiết kế phù hợp với mục tiêu và trình độ đào tạo hệ đại học chính quy chuyên ngành Trắc địa ảnh, viễn thám và Hệ thông tin địa lý.

Các môn học được xây dựng trong chương trình đào tạo thể hiện sự tâm huyết của những người soạn thảo, tên môn học được thiết kế có tính lâu dài và có hướng tới sự phát triển của khoa học công nghệ trong lĩnh vực chuyên môn, có khả năng tiếp cận với khoa

học công nghệ trên thế giới. Kế hoạch sắp xếp các môn học trong kế hoạch đào tạo (9 học kỳ) tương đối hợp lý, phù hợp với chương trình khung của bộ và đảm bảo tính liên thông giữa các khối kiến thức.

2. Về hình thức chương trình

- Cấu trúc chung của chương trình đào tạo theo các học phần và chia thành 3 khối kiến thức: khối kiến thức cơ bản và cơ sở ngành và chuyên ngành, các khối kiến thức được thiết kế khoa học, chặt chẽ, phù hợp với nội dung chương trình đào tạo hệ Đại học chính quy, đảm bảo sự phù hợp và cân đối.

- Chương trình đào tạo được xây dựng rõ ràng, mạch lạc và có tính khoa học. Với nội dung đã thiết kế của chương trình đào tạo được phân bổ trong thời gian 5 năm có thể giúp cho người học tiếp thu một khối lượng kiến thức khá lớn và đầy đủ.

Ý KIẾN ĐỀ NGHỊ

Chương trình đào tạo Đại học chính quy, chuyên ngành Trắc địa ảnh, viễn thám và GIS - ngành Kỹ thuật Trắc địa – Bản đồ do Trường đại học Mở - Địa chất lập về cơ bản đáp ứng yêu cầu đào tạo Kỹ sư Trắc địa – Bản đồ trong giai đoạn hiện nay.

Ngày 11 tháng 4 năm 2018

Người nhận xét



TS. Đỗ Thị Hoài

PHIẾU NHẬN XÉT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Họ và tên người nhận xét: PGS.TS Nguyễn Văn Trung

Chức danh: PGS

Năm phong: 2018

Học vị: Tiến sĩ:

Năm bảo vệ: 2012

Cơ quan công tác: Bộ môn Đo ảnh và Viễn thám, Trường Đại học Mỏ - Địa chất

Tên chương trình đào tạo: Chương trình đào tạo Đại học chính quy, chuyên ngành

Trắc địa ảnh, viễn thám và Hệ thống tin địa lý; Mã số: 752050305

Của Bộ môn Đo ảnh và Viễn thám, Khoa Trắc địa – Bản đồ và Quản lý đất đai,
Trường đại học Mỏ - Địa chất;

Ý KIẾN NHẬN XÉT

1. Về chất lượng chương trình

Chương trình đào tạo của Bộ môn được xây dựng trên cơ sở căn cứ rõ ràng, đúng theo quy định và chương trình khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đảm bảo tính nhất quán trong mục tiêu, cấu trúc, nội dung, thời lượng và đề cương chi tiết.

- Mục tiêu của chương trình rõ ràng và cụ thể, giúp sinh viên có các định hướng rõ về kiến thức, kỹ năng, vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp.

- Nội dung chương trình đào tạo Chuyên ngành Trắc địa ảnh, viễn thám và Hệ thống tin địa lý trình độ đào tạo Đại học chính quy có sự sắp xếp hợp lý với 2 hướng chuyên sâu (Trắc địa ảnh – Viễn thám; Viễn thám – GIS) cho sinh viên lựa chọn, với các học phần đúng chuyên môn, đảm bảo khối lượng kiến thức cho sinh viên cả về lý thuyết và thực hành.

- Chương trình đào tạo này đã có sự cập nhật các kiến thức và công nghệ hiện đại trong đào tạo Trắc địa ảnh, viễn thám và hệ thống tin địa lý trong nước và quốc tế, phù hợp với các yêu cầu về công nghệ Trắc địa ảnh, viễn thám và hệ thống tin địa lý hiện nay ở nước ta.

- Kế hoạch đào tạo được sắp xếp logic, phù hợp và có tính liên thông giữa các môn học với nhau trong từng học kỳ và giữa các học kỳ để đảm bảo sự phù hợp với điều kiện học tập của sinh viên hiện nay theo phương thức đào tạo tín chỉ.

- Chương trình đào tạo có tính đến yêu cầu phát triển khoa học công nghệ trong lĩnh vực đo ảnh, viễn thám và hệ thống tin địa lý trong xu thế hội nhập cũng như sự phát triển của khoa học công nghệ ở trong và ngoài nước.

2. Về hình thức chương trình

- Cấu trúc chung của chương trình đào tạo chuyên ngành Trắc địa ảnh, viễn thám và Hệ thống tin địa lý được thiết kế theo các học phần và khối kiến thức một cách khoa học, chặt chẽ, phù hợp với nội dung chương trình đào tạo hệ Đại học chính quy, đảm bảo những kiến thức cơ bản và cơ sở ngành và chuyên ngành phù hợp và cân đối.

- Các nội dung trong chương trình được bố trí cân đối, đảm bảo hình thức trình bày khoa học, logic.

Ý KIẾN ĐỀ NGHỊ

Chương trình đào tạo Đại học chính quy, chuyên ngành Trắc địa ảnh, viễn thám và Hệ thống tin địa lý- ngành Kỹ thuật Trắc địa – Bản đồ do Trường đại học Mở - Địa chất lập về cơ bản đáp ứng yêu cầu đào tạo Kỹ sư Trắc địa – Bản đồ trong giai đoạn hiện nay.

Ngày 11 tháng 4 năm 2018

Người nhận xét



PGS.TS Nguyễn Văn Trung

PHIẾU NHẬN XÉT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Họ và tên người nhận xét: TS Trần Thùy Dương

Chức danh: Năm phong:

Học vị: Tiến sĩ Năm bảo vệ: 2007

Cơ quan công tác: Khoa Trắc địa – Bản đồ và QLĐĐ, Trường Đại học Mỏ - Địa Chất

Ngành: Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ

Tên chương trình đào tạo: Chương trình đào tạo Đại học chính quy, chuyên ngành Trắc địa ảnh, viễn thám và Hệ thông tin địa lý; Mã số: 752050305

Của Bộ môn Đo ảnh và Viễn thám, Khoa Trắc địa – Bản đồ và Quản lý đất đai, Trường đại học Mỏ - Địa chất;

Ý KIẾN NHẬN XÉT

1. Về chất lượng chương trình

Chương trình được xây dựng theo đúng chương trình khung do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành cho khối ngành Kỹ thuật.

Chương trình đào tạo đại học, chuyên ngành Trắc địa ảnh, viễn thám và Hệ thông tin địa lý của Bộ môn Đo ảnh và Viễn thám, Khoa Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai, Trường đại học Mỏ- Địa chất có nội dung hợp lý, logic và khoa học. Có chất lượng tốt, khối lượng kiến thức từ các môn học cung cấp cho người học những kiến thức chuyên môn và công nghệ đáp ứng với nhu cầu thực tiễn sản xuất hiện nay. Nội dung chương trình gồm hai hướng chuyên sâu: (1) Trắc địa ảnh - Viễn thám với 164 tín chỉ và (2) Đối với hướng chuyên sâu Viễn thám - GIS với 163 tín chỉ, với thời gian đào tạo 5 năm được thiết kế phù hợp với mục tiêu và trình độ đào tạo hệ đại học chính quy chuyên ngành Trắc địa ảnh, viễn thám và Hệ thông tin địa lý.

Bên cạnh những môn học lý thuyết thì người học còn được thực hành các môn chuyên ngành đào tạo giúp người học tổng quan được những kiến thức đã học để vận dụng vào thực tiễn sản xuất.

2. Về hình thức chương trình

Đề cương các môn học được trình bày sạch đẹp, rõ ràng. Chương trình đào tạo được sắp xếp một cách hợp lý và logic. Bố cục chặt chẽ, đảm bảo tính thống nhất giữa tất cả các học phần của chương trình đã được xây dựng

Ý KIẾN ĐỀ NGHỊ

Chương trình đào tạo Đại học chính quy, chuyên ngành Trắc địa ảnh, viễn thám và GIS - ngành Kỹ thuật Trắc địa – Bản đồ do Trường đại học Mở - Địa chất lập về cơ bản đáp ứng yêu cầu đào tạo Kỹ sư chuyên ngành Trắc địa ảnh, viễn thám và GIS trong giai đoạn hiện nay.

Ngày 11 tháng 4 năm 2018

Người nhận xét



TS. Trần Thùy Dương

PHIẾU NHẬN XÉT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Họ và tên người nhận xét: TS. Nguyễn Thế Công

Chức danh: Năm phong:

Học vị: Tiến sĩ Năm bảo vệ: 2011

Cơ quan công tác: Phòng Đào tạo, Trường Đại học Mỏ - Địa chất

Ngành:

Tên chương trình đào tạo: Chương trình đào tạo Đại học chính quy, chuyên ngành Trắc địa ảnh, viễn thám và Hệ thống tin địa lý; Mã số: 752050305
Của Bộ môn Đo ảnh và Viễn thám, khoa Trắc địa – Bản đồ và Quản lý đất đai, Trường đại học Mỏ - Địa chất;

Ý KIẾN NHẬN XÉT

1. Về chất lượng chương trình

- Nhận xét về mục tiêu đào tạo: mục tiêu của chương trình phù hợp với xu thế đào tạo của xã hội hiện nay đối với chuyên ngành Trắc địa ảnh, viễn thám và Hệ thống tin địa lý, ngành Trắc địa - Bản đồ với trình độ đào tạo Đại học chính quy.

- Nhận xét về nội dung chương trình đào tạo:

+ Nội dung chương trình đảm bảo yêu cầu đầy đủ của chương trình đào tạo trình độ Đại học chính quy và phù hợp với mục tiêu và trình độ đào tạo.

+Chương trình có sự tham khảo nhất định các chương trình đào tạo Trắc địa Bản đồ hiện nay của các trường trong và ngoài nước.

+ Đề cương chi tiết của các học phần về cơ bản được thiết kế khoa học với thời lượng hợp lý. Khối lượng phù hợp với chương trình Khung của Bộ GD&ĐT.

2. Về hình thức chương trình

- Các nội dung trong chương trình được bố trí cân đối, đảm bảo hình thức, trình bày khoa học, logic.

- Cấu trúc chung của Chương trình đào tạo theo các học phần và khối kiến thức về cơ bản được thiết kế khoa học, chặt chẽ, phù hợp với nội dung chương trình đào tạo hệ Đại học chính quy, đảm bảo những kiến thức cơ bản về chuyên ngành đào tạo

Ý KIẾN ĐỀ NGHỊ

Chương trình đào tạo Đại học chính quy, chuyên ngành Trắc địa ảnh, viễn thám và GIS do Trường đại học Mở - Địa chất lập về cơ bản đáp ứng yêu cầu đào tạo Kỹ sư Trắc địa – Bản đồ trong giai đoạn hiện nay.

Ngày 11 tháng 4 năm 2018

Người nhận xét



TS. Nguyễn Thế Công

Hà Nội, ngày 16 tháng 4 năm 2018

BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO
KHOA TRẮC ĐỊA- BẢN ĐỒ VÀ QLDD

Về việc rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần, chuẩn đầu ra chuyên ngành Trắc địa ảnh, viễn thám và hệ thống tin địa lý - Mã số: 752050305
(Ngành Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ - Mã số: 7520503)

I. THÀNH PHẦN

1. Hội đồng khoa học và Đào tạo khoa Trắc địa- Bản đồ và Quản lý đất đai. Các thành viên kèm theo Quyết định số 462/QĐ-MĐC, ngày 03/5/2012 về việc thành lập Hội đồng Khoa học và Đào tạo khoa Trắc địa- Bản đồ và Quản lý đất đai của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

2. Đại diện lãnh đạo Bộ môn Đo ảnh và viễn thám

Thời gian: 09h00 , ngày 16 tháng 4 năm 2018.

Địa điểm: Văn phòng khoa Trắc địa- Bản đồ và QLDD, Nhà C12 tầng, trường Đại học Mỏ - Địa chất.

II. NỘI DUNG

1. GVC TS. Trần Thùy Dương - Trưởng khoa, Chủ tịch Hội đồng Khoa học và Đào tạo Khoa giới thiệu nội dung cuộc họp: Chương trình đào tạo, kế hoạch đào tạo, đề cương chi tiết học phần, chuẩn đầu ra chuyên ngành Trắc địa ảnh, viễn thám và GIS- Mã số: **752050305** (ngành Kỹ thuật Trắc địa- Bản đồ - Mã số: **7520503**) - Khoa Trắc địa- Bản đồ và Quản lý đất đai. Chương trình đào tạo của ngành được xây dựng theo chương trình khung trình độ đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. PGS.TS Trần Xuân Trường – Phụ trách Bộ môn Đo ảnh và Viễn thám, đại diện cho Bộ môn trình bày chi tiết về nội dung rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo của chuyên ngành Trắc địa ảnh, viễn thám và GIS - Mã số: **752050305** (ngành Kỹ thuật Trắc địa- Bản đồ - Mã số: **7520503**). Trình bày những nội dung sau:

- Mục tiêu của Chương trình đào tạo chuyên ngành Trắc địa ảnh, viễn thám và GIS: Sự cần thiết đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ cho công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- Thời gian đào tạo 5 năm theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo
- Khối lượng kiến thức toàn khóa (tính bằng số tín chỉ): 162 tín chỉ.
- Đối tượng tuyển sinh: Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

- Nội dung chương trình: Kiến thức giáo dục đại cương (kiến thức bắt buộc và kiến thức tự chọn) và kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành bắt buộc, kiến thức chuyên ngành, thực tập tốt nghiệp, đồ án tốt nghiệp).

III. CÁC Ý KIẾN CỦA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG

- TS Đào Ngọc Long phát biểu: CTĐT mà Bộ môn xây dựng so với CTĐT 2016 là không thay đổi vì đảm bảo tính thống nhất, tuy nhiên cần xây dựng lại đề cương chi tiết các HP sao cho hướng dẫn chi tiết cho người học.

- PGS. TS Trần Đình Trí đóng góp thêm đề lên kế hoạch học tập cho sinh viên được rõ ràng phù hợp với cách học tín chỉ.

- PGS.TS Trần Văn Anh đóng góp nên điều chỉnh CTĐT theo hướng bổ sung thêm các HP tự chọn, nội dung cần bám sát thực tiễn và sinh viên ra trường có thể làm việc ngay và có thể học tiếp tục lên sau đại học.

- Một số nhà khoa học cũng đóng góp thêm nhiều ý kiến xác đáng.

IV. PHẢN TRẢ LỜI CỦA BỘ MÔN

PGS.TS Trần Xuân Trường - Phụ trách bộ môn Đo ảnh và viễn thám: Năm 2016 Bộ môn đã xây dựng, cập nhật mới chương trình đào tạo chuyên ngành Trắc địa ảnh, viễn thám và hệ thống tin địa lý. Chương trình đã được khoa và nhà trường thông qua. Trong khoảng thời gian từ năm 2016-2018 Bộ môn đã đào tạo theo chương trình này và không có sự thay đổi nào. Bộ môn không gặp bất kỳ vấn đề gì khi triển khai thực hiện.

V. KẾT LUẬN CỦA HỘI ĐỒNG

Chủ tịch Hội đồng Khoa học và Đào tạo khoa, GVC. TS Trần Thùy Dương tổng kết các ý kiến của các thành viên trong Hội đồng và kết luận:

1. Hội đồng khoa học Khoa nhất trí với nội dung các tài liệu đã nộp của Bộ môn Đo ảnh và viễn thám
2. Thông qua việc rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần, chuẩn đầu ra chuyên ngành Trắc địa ảnh, viễn thám và hệ thống tin địa lý Mã số: 752050305

THƯ KÝ



PGS. TS Nguyễn Văn Sáng

CHỦ TỌA



GVC. TS Trần Thùy Dương

Hà Nội, ngày 20 tháng 4 năm 2018

BÁO CÁO CHỈNH SỬA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN, CHUẨN ĐẦU RA

Chuyên ngành Trắc địa ảnh, viễn thám và hệ thống tin địa lý - Ngành Kỹ thuật Trắc địa -

Bản đồ

Trình độ: Đại học

Bộ môn đã thống nhất kế hoạch và quy trình triển khai công tác rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần, chuẩn đầu ra trình độ đại học đảm bảo các yêu cầu của Nhà trường;

Căn cứ báo cáo tổng hợp kết quả rà soát chương trình đào tạo;

Căn cứ vào biên bản của Bộ môn và hội thảo rà soát chương trình của Bộ môn; Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo; biên bản Hội đồng khoa học và đào tạo Khoa;

Được sự phân công của lãnh đạo, tổ công tác rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo của Bộ môn Đo ảnh và viễn thám đã thực hiện việc nghiên cứu, rà soát và chỉnh sửa chương trình đào tạo chuyên ngành Trắc địa ảnh, viễn thám và hệ thống tin địa lý. Các nội dung cụ thể như sau:

1. Mục tiêu, nội dung của chương trình đào tạo

STT	Nội dung chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa	Các căn cứ đã tham khảo	Ghi chú
1	Mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đại học năm 2018 không thay đổi so với năm 2016			

2. Đề cương chi tiết các học phần

STT	Tên học phần	Nội dung chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa	Các căn cứ đã tham khảo	Ghi chú
1	Đề cương chi tiết các học phần đào tạo 2018 không thay đổi so với 2016				

3. Chuẩn đầu ra

STT	Nội dung chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa	Các căn cứ đã tham khảo	Ghi chú
1	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo đại học 2018 không thay đổi so với 2016			

TRƯỞNG KHOA

(Ký, ghi rõ họ tên)



TS Trần Thùy Dương

TRƯỞNG BỘ MÔN

(Ký, ghi rõ họ tên)



PGS.TS Trần Xuân Trường

Hà Nội, ngày 20 tháng 4 năm 2018

**BÁO CÁO TỔNG HỢP KẾT QUẢ RÀ SOÁT, ĐIỀU CHỈNH CHƯƠNG TRÌNH
ĐÀO TẠO, ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN, CHUẨN ĐẦU RA**

Chuyên ngành: Trắc địa ảnh, viễn thám và GIS - (Ngành Trắc địa – Bản đồ)

Trình độ: Đại học

Căn cứ báo cáo tổng hợp kết quả rà soát chương trình đào tạo;

Căn cứ vào biên bản của Bộ môn và hội thảo rà soát chương trình của Bộ môn;
Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo; biên bản Hội đồng khoa học và đào tạo Khoa.
Bộ môn Đo ảnh và viễn thám báo cáo kết quả rà soát chương trình đào tạo như sau:

Phần I. Nội dung

1. Nội dung, cấu trúc, thời lượng, mức độ liên thông

- CTĐT mà Bộ môn xây dựng so với CTĐT 2016 là không thay đổi vì đảm bảo tính thống nhất, CTĐT vẫn đáp ứng được tình hình xã hội hiện nay, nội dung đảm bảo tốt cho hội nhập với các trường trong và ngoài nước.
- Cấu trúc của CTĐT không thay đổi so với 2016, cần lên kế hoạch học tập cho sinh viên được rõ ràng phù hợp với cách học tín chỉ.
- Nội dung cần bám sát thực tiễn và sinh viên ra trường có thể làm việc ngay và có thể học tiếp tục lên sau đại học.

2. Đề cương chi tiết học phần (*tóm tắt những điểm lạc hậu hoặc chưa phù hợp*)

- Nhìn chung mục tiêu của các học phần vẫn đảm bảo tính hiện đại, phù hợp với thực tiễn sản xuất
- Về thời lượng, nội dung kiến thức của các học phần không thay đổi so với 2016
- Tài liệu tham khảo cập nhật

3. Mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra

- Mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra đáp ứng tốt phù hợp với mục tiêu chung của nhà trường.
- Chương trình chuẩn đầu ra đáp ứng yêu cầu của nhà sử dụng lao động.

Phần II. Tổng hợp ý kiến của các nhà khoa học chuyên môn, giảng viên, cán bộ quản lý, đại diện của các tổ chức xã hội-nghề nghiệp, nhà tuyển dụng lao động và người đã tốt nghiệp

- TS Đào Ngọc Long phát biểu: CTĐT mà Bộ môn xây dựng so với CTĐT 2016 là không thay đổi vì đảm bảo tính thống nhất, tuy nhiên cần xây dựng lại đề cương chi tiết các HP sao cho hướng dẫn chi tiết cho người học.

- PGS. TS Trần Đình Trí đóng góp thêm đề lên kế hoạch học tập cho sinh viên được rõ ràng phù hợp với cách học tín chỉ.

- PGS.TS Trần Văn Anh đóng góp nên điều chỉnh CTĐT theo hướng bổ sung thêm các HP tự chọn, nội dung cần bám sát thực tiễn và sinh viên ra trường có thể làm việc ngay và có thể học tiếp tục lên sau đại học.

- Một số nhà khoa học cũng đóng góp thêm nhiều ý kiến xác đáng.

Phần III. Kiến nghị

CTĐT sau khi chỉnh sửa, góp ý, bổ sung sau buổi hội thảo đáp ứng tốt yêu cầu đào tạo. Đề nghị hoàn thiện để các cấp thẩm quyền thông qua.

TRƯỞNG KHOA

(Ký, ghi rõ họ tên)



TS Trần Thùy Dương

TRƯỞNG BỘ MÔN

(Ký, ghi rõ họ tên)



PGS.TS Trần Xuân Trường

**BẢNG ĐỐI CHIẾU, SO SÁNH CÁC PHIÊN BẢN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NĂM 2016, NĂM 2018
CHUYÊN NGÀNH TRẮC ĐỊA ẢNH, VIỄN THĂM VÀ GIS**

STT	Mã MH	Tên MH	TC	Phân bố số tín chỉ	Tổ chức TC	Khoa phụ trách	Bộ môn phụ trách	Mã MH	Tên MH	TC	Nội dung thay đổi
BẠC		CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỌC 2016	164	LT	TH+TN	ĐA	TT	LV	CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỌC 2018	164	
I		Kiến thức giáo dục đại cương	53						Kiến thức giáo dục đại cương	53	
I.1		Kiến thức giáo dục đại cương bắt buộc	47						Kiến thức giáo dục đại cương bắt buộc	47	
1	4020101	Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lê Nin 1	2	30	0				Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lê Nin 1	2	
2	4020102	Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lê Nin 2	3	45	0	0	0	0	Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lê Nin 2	3	
3	4020301	Đường lối cách mạng của ĐCSVN	3	45	0	0	0	0	Đường lối cách mạng của ĐCSVN	3	
4	4020201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0	0	0	0	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
5	4010613	Tiếng Anh 1	3	45	0	0	0	0	Tiếng Anh 1	3	
6	4010614	Tiếng Anh 2	3	45	0	0	0	0	Tiếng Anh 2	3	
7	4010701	Giáo dục thể chất 1	1	15	0	0	0	0	Giáo dục thể chất 1	1	
8	4010702	Giáo dục thể chất 2	1	15	0	0	0	0	Giáo dục thể chất 2	1	
9	4010703	Giáo dục thể chất 3	1	15	0	0	0	0	Giáo dục thể chất 3	1	
10	4010704	Giáo dục thể chất 4	1	15	0	0	0	0	Giáo dục thể chất 4	1	
11	4010705	Giáo dục thể chất 5	1	15	0	0	0	0	Giáo dục thể chất 5	1	
12	4300101	Giáo dục Quốc phòng	2						Giáo dục Quốc phòng	2	
13	4020103	Pháp luật đại cương	2	30	0	0	0	0	Pháp luật đại cương	2	
14	4010101	Đại số	3	45	0	0	0	0	Đại số	3	
15	4010102	Giải tích 1	4	60	0	0	0	0	Giải tích 1	4	
16	4010103	Giải tích 2	3	45	0	0	0	0	Giải tích 2	3	
17	4010201	Vật lý đại cương 1 + TN	3	45	0	0	0	0	Vật lý đại cương 1 + TN	3	
18	4010202	Vật lý đại cương 2 + TN	3	45	0	0	0	0	Vật lý đại cương 2 + TN	3	
19	4010301	Hóa học đại cương 1 + TN	3	45	0	0	0	0	Hóa học đại cương 1 + TN	3	
20	4080201	Tin học đại cương + TH (dùng cho K. Thuật)	3	45	0	0	0	0	Tin học đại cương + TH (dùng cho K. Thuật)	3	
I.2		Kiến thức giáo dục đại cương tự chọn	6						Kiến thức giáo dục đại cương tự chọn	6	
21	4010105	Xác suất thống kê	3	30	0	0	0	0	Xác suất thống kê	3	
22	4010106	Phương pháp tính	3	30	0	0	0	0	Phương pháp tính	3	
23	4010109	Logic đại cương	3	30	0	0	0	0	Logic đại cương	3	
24	4010110	Toán tối ưu	2	30	0	0	0	0	Toán tối ưu	2	
25	4010111	Toán rời rạc	2	30	0	0	0	0	Toán rời rạc	2	
II		Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc	36						Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc	36	
26	4050401	Trắc địa cơ sở 1 + BTL	4	60	0	0	0	0	Trắc địa cơ sở 1 + BTL	4	

27	4050411	Thực tập Trắc địa cơ sở 1 (3 tuần)		2	0	30	0	0	0	0	2(0.4.2)	KTĐB&QLĐĐ	TDPT&SS	4050411	Thực tập Trắc địa cơ sở 1 (3 tuần)	2
28	4050404	Lý thuyết sai số + BTL		3	45	0	0	0	0	0	3(3.0.6)	KTĐB&QLĐĐ	TDPT&SS	4050404	Lý thuyết sai số + BTL	3
29	4050402	Trắc địa cơ sở 2 + ĐA		3	45	0	0	0	0	0	3(3.0.6)	KTĐB&QLĐĐ	TDPT&SS	4050402	Trắc địa cơ sở 2 + ĐA	3
30	4050412	Thực tập Trắc địa cơ sở 2 (5 tuần)		3	0	45	0	0	0	0	3(0.6.3)	KTĐB&QLĐĐ	TDPT&SS	4050412	Thực tập Trắc địa cơ sở 2 (5 tuần)	3
31	4050701	Cơ sở bản đồ và vẽ bản đồ + ĐA		4	60	0	0	0	0	0	4(4.0.8)	KTĐB&QLĐĐ	Bản đồ	4050701	Cơ sở bản đồ và vẽ bản đồ + ĐA	4
32	4050303	Cơ sở đo ảnh + BLT		3	45	0	0	0	0	0	3(3.0.6)	KTĐB&QLĐĐ	ĐA và VT	4050303	Cơ sở đo ảnh + BLT	3
33	4050302	Cơ sở viễn thám		2	30	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	KTĐB&QLĐĐ	ĐA và VT	4050302	Cơ sở viễn thám	2
34	4050301	Cơ sở hệ thông tin địa lý (GIS)		3	45	0	0	0	0	0	3(3.0.6)	KTĐB&QLĐĐ	ĐA và VT	4050301	Cơ sở hệ thông tin địa lý (GIS)	3
35	4050101	Cơ sở trắc địa công trình + BTL		3	45	0	0	0	0	0	3(3.0.6)	KTĐB&QLĐĐ	TDCT	4050101	Cơ sở trắc địa công trình + BTL	3
36	4050601	Địa chính đại cương		2	30	0	0	0	0	0	2(0.4.2)	KTĐB&QLĐĐ	Địa chính	4050601	Địa chính đại cương	2
37	4050201	Trắc địa cao cấp đại cương		4	45	0	0	0	0	0	3(3.0.6)	KTĐB&QLĐĐ	TDCC	4050201	Trắc địa cao cấp đại cương	4
III		Kiến thức giáo dục chuyên ngành		61											Kiến thức giáo dục chuyên ngành	61
III.1		Kiến thức giáo dục chuyên ngành bắt buộc		41											Kiến thức giáo dục chuyên ngành bắt buộc	41
III.1.1		Kiến thức bổ trợ chuyên ngành		5											Kiến thức bổ trợ chuyên ngành	5
38	4050332	Tiếng Anh chuyên ngành		2	30	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	KTĐB&QLĐĐ	ĐA và VT	4050332	Tiếng Anh chuyên ngành	2
39	4010406	Hình họa và vẽ kỹ thuật + BTL		3	45	0	0	0	0	0	3(3.0.6)	KKHC	Hình họa	4010406	Hình họa và vẽ kỹ thuật + BTL	3
III.1.2		Kiến thức chuyên ngành		23											Kiến thức chuyên ngành	23
40	4050306	Công nghệ đo ảnh +ĐA		4	45	0	0	0	0	0	3(3.0.6)	KTĐB&QLĐĐ	ĐA và VT	4050306	Công nghệ đo ảnh +ĐA	4
41	4050307	Tăng dày không chế ảnh		3	45	0	0	0	0	0	3(3.0.6)	KTĐB&QLĐĐ	ĐA và VT	4050307	Tăng dày không chế ảnh	3
42	4050311	Xử lý số từ liệu viễn thám		2	30	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	KTĐB&QLĐĐ	ĐA và VT	4050311	Xử lý số từ liệu viễn thám	2
43	4050319	Sử dụng phần mềm GIS		3	30	30	0	0	0	0	(2-2-5)	KTĐB&QLĐĐ	ĐA và VT	4050319	Sử dụng phần mềm GIS	3
44	4050320	Cơ sở kỹ thuật Lidar		2	30	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	KTĐB&QLĐĐ	ĐA và VT	4050320	Cơ sở kỹ thuật Lidar	2
45	4050321	Cơ sở dữ liệu và hệ quản trị cơ sở dữ liệu		2	30	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	KTĐB&QLĐĐ	ĐA và VT	4050321	Cơ sở dữ liệu và hệ quản trị cơ sở dữ liệu	2
46	4050313	Thực tập đo ảnh- viễn thám 1		2	0	30	0	0	0	0	2(0.4.2)	KTĐB&QLĐĐ	ĐA và VT	4050313	Thực tập đo ảnh- viễn thám 1	2
47	4050314	Thực tập đo ảnh- viễn thám 2		3	0	45	0	0	0	0	3(0.6.3)	KTĐB&QLĐĐ	ĐA và VT	4050314	Thực tập đo ảnh- viễn thám 2	3
48	4050324	Thực tập GIS 1		2	0	30	0	0	0	0	2(0.4.2)	KTĐB&QLĐĐ	ĐA và VT	4050324	Thực tập GIS 1	2
III.1.3		Chuyên sâu (TDAV1): Trắc địa ảnh-Viễn thám		13											Chuyên sâu (TDAV1): Trắc địa ảnh-Viễn	13
49	4050325	Cơ sở viễn thám hồng ngoại nhiệt		3	45	0	0	0	0	0	3(3.0.6)	KTĐB&QLĐĐ	ĐA và VT	4050325	Cơ sở viễn thám hồng ngoại nhiệt	3
50	4050326	Cơ sở viễn thám siêu cao tần		3	45	0	0	0	0	0	3(3.0.6)	KTĐB&QLĐĐ	ĐA và VT	4050326	Cơ sở viễn thám siêu cao tần	3
51	4050309	Đo ảnh phạm vi gần		2	30	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	KTĐB&QLĐĐ	ĐA và VT	4050309	Đo ảnh phạm vi gần	2
52	4050615	Hệ thông thông tin đất đai 1		3								KTĐB&QLĐĐ	ĐA và VT	4050615	Hệ thông thông tin đất đai 1	3
53	4050315	Thực tập đo ảnh- viễn thám 3		2	0	30	0	0	0	0	2(0.4.2)	KTĐB&QLĐĐ	ĐA và VT	4050315	Thực tập đo ảnh- viễn thám 3	2
III.1.4		Chuyên sâu (TDAV2): Viễn thám-GIS		12											Chuyên sâu (TDAV2): Viễn thám-GIS	12
54	4050328	Kỹ thuật lập trình GIS +BTL		3	30	30	0	0	0	0	(2-2-5)	KTĐB&QLĐĐ	ĐA và VT	4050328	Kỹ thuật lập trình GIS +BTL	3
55	4050329	GIS ứng dụng		3	30	30	0	0	0	0	(2-2-5)	KTĐB&QLĐĐ	ĐA và VT	4050329	GIS ứng dụng	3
56	4050330	GIS mã nguồn mở + BLT		3	30	30	0	0	0	0	(2-2-5)	KTĐB&QLĐĐ	ĐA và VT	4050330	GIS mã nguồn mở + BLT	3
57	4050331	Thực tập GIS 2		3	0	45	0	0	0	0	3(0.6.3)	KTĐB&QLĐĐ	ĐA và VT	4050331	Thực tập GIS 2	3
III.2		Kiến thức chuyên ngành chọn theo khoa		12											Kiến thức chuyên ngành chọn theo khoa	12
58	4050102	Máy trắc địa và đo đạc điện tử		2	30	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	KTĐB&QLĐĐ	TDCT	4050102	Máy trắc địa và đo đạc điện tử	2
59	4050105	Trắc địa công trình đường hầm + BTL		3	45	0	0	0	0	0	3(3.0.6)	KTĐB&QLĐĐ	TDCT	4050105	Trắc địa công trình đường hầm + BTL	3
60	4050106	Quan trắc biến dạng công trình		2	30	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	KTĐB&QLĐĐ	TDCT	4050106	Quan trắc biến dạng công trình	2
61	4050108	Thực tập trắc địa công trình (5 tuần)		3	0	45	0	0	0	0	3(0.6.3)	KTĐB&QLĐĐ	TDCT	4050108	Thực tập trắc địa công trình (5 tuần)	3

62	4050110	Tư vấn giám sát trắc địa trong xây dựng	2	30	0	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	KTĐBĐ&QLĐĐ	TDCT	4050110	Tư vấn giám sát trắc địa trong xây dựng	2
63	4050111	Tin học ứng dụng trong trắc địa công trình + BTL	3	45	0	0	0	0	0	0	3(3.0.6)	KTĐBĐ&QLĐĐ	TDCT	4050111	Tin học ứng dụng trong trắc địa công trình + BTL	3
64	4050112	Ứng dụng định vị vệ tinh trong trắc địa công trình	2	30	0	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	KTĐBĐ&QLĐĐ	TDCT	4050112	Ứng dụng định vị vệ tinh trong trắc địa công trình	2
65	4050113	Đo vẽ bản đồ công trình ngầm đô thị	2	30	0	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	KTĐBĐ&QLĐĐ	TDCT	4050113	Đo vẽ bản đồ công trình ngầm đô thị	2
66	4050204	Trắc địa lý thuyết + BTL	3	45	0	0	0	0	0	0	3(3.0.6)	KTĐBĐ&QLĐĐ	TDCC	4050204	Trắc địa lý thuyết + BTL	3
67	4050206	Trắc địa mặt cầu + BTL	2	30	0	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	KTĐBĐ&QLĐĐ	TDCC	4050206	Trắc địa mặt cầu + BTL	2
68	4050207	Bình sai lược trắc địa + BTL	2	30	0	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	KTĐBĐ&QLĐĐ	TDCC	4050207	Bình sai lược trắc địa + BTL	2
69	4050208	Trắc địa biển và đảo hàng	3	45	0	0	0	0	0	0	3(3.0.6)	KTĐBĐ&QLĐĐ	TDCC	4050208	Trắc địa biển và đảo hàng	3
70	4050211	Định vị vệ tinh (GPS)- B(cho Địa chính, Trắc địa mô- công trình, Tin trắc địa)	2									KTĐBĐ&QLĐĐ	TDCC	4050211	Định vị vệ tinh (GPS)- B(cho Địa chính, Tin trắc địa)	2
71	4050214	Thực tập trắc địa cao cấp A	3	0	45	0	0	0	0	0	3(0.6.3)	KTĐBĐ&QLĐĐ	TDCC	4050214	Thực tập trắc địa cao cấp A	3
72	4050215	Thực tập trắc địa cao cấp B	2	0	30	0	0	0	0	0	2(0.4.2)	KTĐBĐ&QLĐĐ	TDCC	4050215	Thực tập trắc địa cao cấp B	2
73	4050216	Thực tập trắc địa cao cấp C	1	0	15	0	0	0	0	0	1(0.2.1)	KTĐBĐ&QLĐĐ	TDCC	4050216	Thực tập trắc địa cao cấp C	1
74	4050308	Đoàn đọc và điều vẽ ảnh	2	30	0	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	KTĐBĐ&QLĐĐ	ĐA và VT	4050308	Đoàn đọc và điều vẽ ảnh	2
75	4050309	Đo ảnh phạm vi gần	2	30	0	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	KTĐBĐ&QLĐĐ	ĐA và VT	4050309	Đo ảnh phạm vi gần	2
76	4050403	Bản đồ số và đồ chỉnh xác bản đồ địa hình	2	30	0	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	KTĐBĐ&QLĐĐ	TDPT&SS	4050403	Bản đồ số và đồ chỉnh xác bản đồ địa hình	2
77	4050405	Xử lý số liệu trắc địa + BTL	2	30	0	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	KTĐBĐ&QLĐĐ	TDPT&SS	4050405	Xử lý số liệu trắc địa + BTL	2
78	4050406	Ứng dụng lý thuyết xác suất thống kê trong trắc địa	2	30	0	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	KTĐBĐ&QLĐĐ	TDPT&SS	4050406	Ứng dụng lý thuyết xác suất thống kê trong trắc địa	2
79	4050407	Lập trình bài toán trắc địa cơ sở + BTL	3	45	0	0	0	0	0	0	3(3.0.6)	KTĐBĐ&QLĐĐ	TDPT&SS	4050407	Lập trình bài toán trắc địa cơ sở + BTL	3
80	4050408	Phần mềm đồ họa trong trắc địa + BTL	3	45	0	0	0	0	0	0	3(3.0.6)	KTĐBĐ&QLĐĐ	TDPT&SS	4050408	Phần mềm đồ họa trong trắc địa + BTL	3
81	4050409	Thành lập bản đồ số địa hình tỷ lệ lớn ứng dụng công nghệ mới	2									KTĐBĐ&QLĐĐ	TDPT&SS	4050409	Thành lập bản đồ số địa hình tỷ lệ lớn ứng dụng công nghệ mới	2
82	4050412	Thực tập Trắc địa cơ sở 2 (5 tuần)	3	45	0	0	0	0	0	0	3(3.0.6)	KTĐBĐ&QLĐĐ	TDPT&SS	4050412	Thực tập Trắc địa cơ sở 2 (5 tuần)	3
83	4050513	Quy hoạch và quản lý môi trường	2	30	0	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	KTĐBĐ&QLĐĐ	Địa chính	4050513	Quy hoạch và quản lý môi trường	2
84	4050613	Xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính	2	30	0	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	KTĐBĐ&QLĐĐ	Địa chính	4050613	Xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính	2
85	4050623	Hệ thống thông tin đất đai 2	2	30	0	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	KTĐBĐ&QLĐĐ	Địa chính	4050623	Hệ thống thông tin đất đai 2	2
86	4050730	Các phương pháp sử dụng bản đồ	2	30	0	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	KTĐBĐ&QLĐĐ	Bản đồ	4050730	Các phương pháp sử dụng bản đồ	2
87	4050727	Ứng dụng tin học trong thiết kế và thành lập bản đồ	2	30	0	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	KTĐBĐ&QLĐĐ	Bản đồ	4050727	Ứng dụng tin học trong thiết kế và thành lập bản đồ	2
88	4050728	Thiết kế bản đồ đa phương tiện	2	30	0	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	KTĐBĐ&QLĐĐ	Bản đồ	4050728	Thiết kế bản đồ đa phương tiện	2
89	4050729	3D GIS và mô hình hóa bề mặt	2	30	0	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	KTĐBĐ&QLĐĐ	Bản đồ	4050729	3D GIS và mô hình hóa bề mặt	2
90	4050732	Nguyên và môi trường	2	30	0	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	KTĐBĐ&QLĐĐ	Bản đồ	4050732	Nguyên và môi trường	2
91	4050610	Địa chính đô thị	2	30	0	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	KTĐBĐ&QLĐĐ	Địa chính	4050610	Địa chính đô thị	2
92	4050622	Đo đạc địa chính 2	2	30	0	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	KTĐBĐ&QLĐĐ	Địa chính	4050622	Đo đạc địa chính 2	2
93	4050624	Thực tập đo đạc địa chính 2	2	30	0	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	KTĐBĐ&QLĐĐ	Địa chính	4050624	Thực tập đo đạc địa chính 2	2
94	4050645	Thuế bất động sản	2	30	0	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	KTĐBĐ&QLĐĐ	Địa chính	4050645	Thuế bất động sản	2
95	4050646	Giao đất, thu hồi đất	2	30	0	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	KTĐBĐ&QLĐĐ	Địa chính	4050646	Giao đất, thu hồi đất	2

96	4050101	Cơ sở trắc địa công trình + BTL		3	30	0	0	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	KTBĐ&QLĐĐ	TDCT	4050101	Cơ sở trắc địa công trình + BTL	3
97	4050648	Bồi thường giải phóng mặt bằng		2	30	0	0	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	KTBĐ&QLĐĐ	Địa chính	405648	Bồi thường giải phóng mặt bằng	2
98	4050647	Quy hoạch và phát triển nông thôn		2	30	0	0	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	KTBĐ&QLĐĐ	Địa chính	405647	Quy hoạch và phát triển nông thôn	2
99	4050746	Kỹ năng trình bày bản đồ trên máy tính		3	45	0	0	0	0	0	0	0	3(3.0.6)	KTBĐ&QLĐĐ	Bản đồ	4050746	Kỹ năng trình bày bản đồ trên máy tính	3
100	4050322	Viễn thám ứng dụng		2	30	0	0	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	KTBĐ&QLĐĐ	ĐA và VT	4050322	Viễn thám ứng dụng	2
III.3		Kiến thức chuyên ngành chọn theo trường		8												Kiến thức chuyên ngành chọn theo trường	8	
101	4070304	Kinh tế và QTDN		3	45	0	0	0	0	0	0	0	3(3.0.6)	KKT&QTKD	QTDN ĐCDK	4070304	Kinh tế và QTDN	3
102	4070307	Quản trị dự án đầu tư		3	45	0	0	0	0	0	0	0	3(3.0.6)	KKT&QTKD	QTDN ĐCDK	4070307	Quản trị dự án đầu tư	3
103	4070403	Kế toán tài chính 1		3	45	0	0	0	0	0	0	0	3(3.0.6)	KKT&QTKD	Kế toán DN	4070403	Kế toán tài chính 1	3
104	4010403	Autocad +TH		2	30	0	0	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	KKHCB	Hình học	4010403	Autocad +TH	2
105	4010615	Tiếng Anh 3		2	30	0	0	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	KKHCB	Ngoại ngữ	4010615	Tiếng Anh 3	2
106	4010616	Tiếng Anh 4		2	30	0	0	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	KKHCB	Ngoại ngữ	4010616	Tiếng Anh 4	2
107	4080153	Thiết kế Website		2	30	0	0	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	KCNTT	MạngMáy tính	4080153	Thiết kế Website	2
108	4000001	Kỹ năng soạn thảo văn bản quản lý hành chính		2	30	0	0	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	KLLCT	ĐL CM của ĐCSVN	4000001	Kỹ năng soạn thảo văn bản quản lý hành chính	2
109	4000005	Kỹ năng giao tiếp và làm việc theo nhóm		2	30	0	0	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	KLLCT	ĐL CM của ĐCSVN	4000005	Kỹ năng giao tiếp và làm việc theo nhóm	2
I.10	4000002	Tâm lý học đại cương		2	30	0	0	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	KLLCT	NL CN Mác-Lênin	4000002	Tâm lý học đại cương	2
I.11	4000003	Tiếng Việt thực hành		2	30	0	0	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	KLLCT	TT HCM	4000003	Tiếng Việt thực hành	2
I.12	4000004	Cơ sở văn hóa Việt Nam		2	30	0	0	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	KLLCT	NL CN Mác-Lênin	4000004	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2
I.13	4000006	Kỹ năng tư duy phê phán		2	30	0	0	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	KLLCT	NL CN Mác-Lênin	4000006	Kỹ năng tư duy phê phán	2
I.14	4020104	Lịch sử Triết học		2	30	0	0	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	KLLCT	NL CN Mác-Lênin	4020104	Lịch sử Triết học	2
I.15	4010605	Tiếng Nga 1		2	30	0	0	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	KKHCB	Ngoại ngữ	4010605	Tiếng Nga 1	2
I.16	4010606	Tiếng Nga 2		2	30	0	0	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	KKHCB	Ngoại ngữ	4010606	Tiếng Nga 2	2
I.17	4010607	Tiếng Trung 1		2	30	0	0	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	KKHCB	Ngoại ngữ	4010607	Tiếng Trung 1	2
I.18	4010608	Tiếng Trung 2		2	30	0	0	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	KKHCB	Ngoại ngữ	4010608	Tiếng Trung 2	2
I.19	4030114	Cơ sở khai thác lộ thiên		2	30	0	0	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	K Mỏ	KT lộ thiên	4030114	Cơ sở khai thác lộ thiên	2
I.20	4030222	Cơ sở khai thác hầm lò		2	30	0	0	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	K Mỏ	KT hầm lò	4030222	Cơ sở khai thác hầm lò	2
I.21	4030422	Cơ sở tuyển khoáng		2	30	0	0	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	K Mỏ	Tuyển khoáng	4030422	Cơ sở tuyển khoáng	2
I.22	4040101	Địa chất đại cương		3	45	0	0	0	0	0	0	0	3(3.0.6)	KKH&KTĐC	Địa chất	4040101	Địa chất đại cương	3
I.23	4040110	Địa mao cảnh quan		2	30	0	0	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	KKH&KTĐC	Địa chất	4040110	Địa mao cảnh quan	2
I.24	4040517	Cơ sở Địa chất công trình - Địa chất thủy văn		3	45	0	0	0	0	0	0	0	3(3.0.6)	KKH&KTĐC	ĐC thủy văn	4040517	thủy văn	3
I.25	4050203	Định vị vệ tinh (GPS)-A (cho ngành BTL		3	45	0	0	0	0	0	0	0	3(3.0.6)	KTBĐ&QLĐĐ	TDXC	4050203	Định vị vệ tinh (GPS)-A (cho ngành TD) + BTL	3
I.26	4050301	Cơ sở hệ thống tin địa lý (GIS)		3	45	0	0	0	0	0	0	0	3(3.0.6)	KTBĐ&QLĐĐ	ĐA và VT	4050301	Cơ sở hệ thống tin địa lý (GIS)	3
I.27	4050302	Cơ sở viễn thám		2	30	0	0	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	KTBĐ&QLĐĐ	ĐA và VT	4050302	Cơ sở viễn thám	2
I.28	4050509	Kỹ thuật môi trường		2	30	0	0	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	KTBĐ&QLĐĐ	Trắc địa mô	4050509	Kỹ thuật môi trường	2
I.29	4050526	Trắc địa đại cương		2	30	0	0	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	KTBĐ&QLĐĐ	Trắc địa mô	4050526	Trắc địa đại cương	2

130	4060142	Địa vật lý đại cương		2	30	0	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	KDK	Địa vật lý	4060142	Địa vật lý đại cương	2
131	4060339	Cơ sở học hóa dầu		2	30	0	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	KDK	Loc - Hóa dầu	4060339	Cơ sở học hóa dầu	2
132	4060402	Kỹ thuật dầu khí đại cương		2	30	0	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	KDK	Khoan KT	4060402	Kỹ thuật dầu khí đại cương	2
133	4070401	Nguyên lý kế toán		3	45	0	0	0	0	0	0	3(3.0.6)	KKT&QTKD	Kế toán DN	4070401	Nguyên lý kế toán	3
134	4080309	Hệ quản trị nội dung mã nguồn mở		2	30	0	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	KCNIT	CN phần mềm	4080309	Hệ quản trị nội dung mã nguồn mở	2
135	4110114	Môi trường và phát triển bền vững		2	30	0	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	KMT	Địa ST & CNMT	4110114	Môi trường và phát triển bền vững	2
136	4110130	Địa y học		2	30	0	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	KMT	Địa ST & CNMT	4110130	Địa y học	2
137	4110236	Môi trường và con người		2	30	0	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	KMT	Địa ST & CNMT	4110236	Môi trường và con người	2
138	4040825	Cơ sở sinh vật học		2	30	0	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	KMT	Địa sinh thái	4040825	Cơ sở sinh vật học	2
139	4090301	Kỹ thuật điện +TN		3	45	0	0	0	0	0	0	3(3.0.6)	KCB	KTD-Điện tử	4090301	Kỹ thuật điện +TN	3
140	4050206	Trắc địa mặt cầu +BTL		2	30	0	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	KTBĐ&QLĐĐ	TĐCC	4050206	Trắc địa mặt cầu +BTL	2
141	4070336	Văn hóa doanh nghiệp		2	30	0	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	KKT&QTKD	QTDN ĐCDK	4070336	Văn hóa doanh nghiệp	2
142	4050513	Quy hoạch và quản lý môi trường		2	30	0	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	KTBĐ&QLĐĐ	Trắc địa mỏ	4050513	Quy hoạch và quản lý môi trường	2
143	4050602	Kỹ thuật lập trình trong trắc địa		2	30	0	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	KTBĐ&QLĐĐ	Địa chính	4050602	Kỹ thuật lập trình trong trắc địa	2
144	4050610	Địa chính đô thị		2	30	0	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	KTBĐ&QLĐĐ	Địa chính	4050610	Địa chính đô thị	2
145	4050616	Quản lý bất động sản		2	30	0	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	KTBĐ&QLĐĐ	Địa chính	4050616	Quản lý bất động sản	2
146	4050621	Hệ thống hỗ trợ ra quyết định trong quản lý đất đai		2	30	0	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	KTBĐ&QLĐĐ	Địa chính	4050621	Hệ thống hỗ trợ ra quyết định trong quản lý đất đai	2
147	4050623	Hệ thống thông tin đất đai 2		2	30	0	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	KTBĐ&QLĐĐ	Địa chính	4050623	Hệ thống thông tin đất đai 2	2
148	4050649	Quy hoạch vùng		3									KTBĐ&QLĐĐ	Địa chính	4050649	Quy hoạch vùng	3
149	4050650	Phương pháp lập dự án đầu tư		2	30	0	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	KTBĐ&QLĐĐ	Địa chính	4050650	Phương pháp lập dự án đầu tư	2
150	4100167	Cơ sở xây dựng công trình ngầm và mỏ		2	30	0	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	KXD	XDCTN&Mô	4100167	Cơ sở xây dựng công trình ngầm và mỏ	2
IV		Thực tập tốt nghiệp		7												Thực tập tốt nghiệp	7
151	4050810	Thực tập sản xuất		3	0	0	0	0	45	0	0	3(0.6.3)	KTBĐ&QLĐĐ	ĐA và VT	4050810	Thực tập sản xuất	3
152	4050811	Thực tập tốt nghiệp		4	0	0	0	0	60	0	0	4(0.8.4)	KTBĐ&QLĐĐ	ĐA và VT	4050811	Thực tập tốt nghiệp	4
V		Đồ án tốt nghiệp		7												Đồ án tốt nghiệp	7
153	4050812	Đồ án tốt nghiệp		7	0	0	0	0	0	0	0	7(0.0.2.1)	KTBĐ&QLĐĐ	ĐA và VT	4050812	Đồ án tốt nghiệp	7

BỘ MÔN

KHOA

PGS.TS Trần Xuân Trường

TS Trần Thùy Dương

HIỆU TRƯỞNG

Số: 253/QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Tổ công tác rà soát, điều chỉnh Chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần, chuẩn đầu ra cho chuyên ngành Trắc địa mỏ và công trình - Mã số: 752050302 (ngành Kỹ thuật trắc địa - bản đồ - Mã số: 7520503)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Điều lệ trường đại học;

Căn cứ Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 388/2013/QĐ-ĐTĐH ngày 18/4/2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ và Quyết định số 276/QĐ-MĐC ngày 12/3/2015 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 1463/QĐ-MĐC ngày 02/11/2017 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ vào Quyết định số 67/QĐ-MĐC ngày 17/01/2018 về việc thành lập Ban chỉ đạo rà soát và cập nhật chương trình đào tạo; Căn cứ vào Quyết định số 88/QĐ-MĐC ngày 22/01/2018 về việc thành lập các Tổ công tác rà soát và cập nhật chương trình đào tạo;

Căn cứ công văn số 193-02/MĐC-TĐ-BĐ-QLĐĐ ngày 19/3/2018 của Hội đồng khoa học khoa Trắc địa - Bản đồ & Quản lý đất đai về việc thành lập Tổ rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần, chuẩn đầu ra;

Xét đề nghị của Ông Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trưởng khoa Trắc địa - Bản đồ & Quản lý đất đai,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập tổ công tác rà soát, điều chỉnh Chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần, chuẩn đầu ra (danh sách kèm theo).

Điều 2. Tổ công tác rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo có nhiệm vụ tổ chức triển khai việc rà soát, điều chỉnh, bổ sung chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần, chuẩn đầu ra và được hưởng các chế độ theo quy định hiện hành. Tổ công tác tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các ông (bà) Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trưởng phòng Tài vụ, Trưởng các đơn vị có liên quan và các ông (bà) có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này ./.

Nơi nhận: 100%

- Như điều 3 (để t/h);
- Các PHT (để p/hợp chỉ đạo);
- Lưu: HC-TH, ĐTĐH (09)



PGS.TS Lê Hải An



DANH SÁCH
TỔ CÔNG TÁC RÀ SOÁT, ĐIỀU CHỈNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐỀ CƯƠNG CHI
TIẾT HỌC PHẦN, CHUẨN ĐẦU RA

(Kèm theo Quyết định số 1253. /QĐ-MĐC ngày 24 tháng 7 năm 2018
của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất)

- | | |
|--------------------------|---|
| 1. ThS. Nguyễn Quốc Long | Phó trưởng bộ môn (phụ trách) Trắc địa mỏ, Tổ trưởng. |
| 2. TS. Lê Thị Thu Hà | Bộ môn Trắc địa mỏ, Thư ký. |
| 3. PGS.TS Phạm Công Khải | Bộ môn Trắc địa mỏ, Thành viên |
| 4. TS. Vương Trọng Kha | Bộ môn Trắc địa mỏ, Thành viên |
| 5. TS. Phạm Thị Lân | Bộ môn Trắc địa mỏ, Thành viên |
| 6. TS. Nguyễn Viết Nghĩa | Bộ môn Trắc địa mỏ, Thành viên |
| 7. ThS. Võ Ngọc Dũng | Bộ môn Trắc địa mỏ, Thành viên |
| 8. ThS. Cao Xuân Cường | Bộ môn Trắc địa mỏ, Thành viên |
| 9. ThS. Lê Văn Cảnh | Bộ môn Trắc địa mỏ, Thành viên |
| 10. GV. Phạm Văn Chung | Bộ môn Trắc địa mỏ, Thành viên |

Tổng số: 10 cán bộ./.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
KHOA TRẮC ĐỊA - BẢN ĐỒ VÀ QLDD

Số: 193-02/TĐ-BĐ&QLDD

V/v thành lập Tổ công tác rà soát, điều chỉnh
chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần,
chuẩn đầu ra

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 19 tháng 3 năm 2018

Kính gửi: - Ban Giám hiệu;
- Phòng Đào tạo Đại học.

Căn cứ Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 01/2017/QĐ-TTg ngày 17/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 1463/QĐ-MĐC ngày 02/11/2017 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ vào Quyết định số 67/QĐ-MĐC ngày 17/01/2018 về việc thành lập Ban chỉ đạo rà soát và cập nhật chương trình đào tạo;

Căn cứ vào Quyết định số 88/QĐ-MĐC ngày 22/01/2018 về việc thành lập các Tổ công tác rà soát và cập nhật chương trình đào tạo;

Căn cứ vào thông báo số 141 /MĐC-ĐTĐH ngày 12/3/2018 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc rà soát, điều chỉnh Chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần, chuẩn đầu ra;

Căn cứ vào cuộc họp của bộ môn Trắc địa mỏ về việc thành lập tổ công tác rà soát cho chuyên ngành Trắc địa mỏ - công trình, Mã số: 752050302 (ngành Kỹ thuật trắc địa - bản đồ, Mã số: 7520503)

Bộ môn Trắc địa mỏ đề nghị Ban Giám hiệu và phòng Đào tạo Đại học thành lập tổ công tác rà soát, điều chỉnh Chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần, chuẩn đầu ra:

1. ThS. Nguyễn Quốc Long
2. TS. Lê Thị Thu Hà
3. PGS. TS. Phạm Công Khải
4. TS. Vương Trọng Kha
5. TS. Phạm Thị Lân
6. TS. Nguyễn Viết Nghĩa
7. ThS. Võ Ngọc Dũng
8. ThS. Cao Xuân Cường

Phụ trách bộ môn Trắc địa mỏ, Tổ trưởng.
Bộ môn Trắc địa mỏ, Thư ký.
Bộ môn Trắc địa mỏ, Thành viên.
Bộ môn Trắc địa mỏ, Thành viên.
Bộ môn Trắc địa mỏ, Thành viên.
Bộ môn Trắc địa mỏ, Thành viên.
Bộ môn Trắc địa mỏ, Thành viên.
Bộ môn Trắc địa mỏ, Thành viên.

9. ThS. Lê Văn Cảnh
10. GV. Phạm Văn Chung
Trân trọng ./.

Bộ môn Trắc địa mỏ, Thành viên.
Bộ môn Trắc địa mỏ, Thành viên.

Hội đồng khoa học
Khoa Trắc địa – Bản đồ và Quản lý đất đai



Trần Thụy Diệp

Bộ môn Trắc địa mỏ



Nguyễn Quốc Long

BIÊN BẢN HỌP BỘ MÔN

Về việc rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo, đề cương chi tiết, chuẩn đầu ra ở trình độ Đại học cho chuyên ngành Trắc địa mỏ-công trình - Mã số: 752050302 (ngành Kỹ thuật trắc địa-bản đồ - Mã số: 7520503)

Ngày 29/03/2018, vào lúc 9h00', Bộ môn Trắc địa mỏ đã họp về việc rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần, chuẩn đầu ra ở trình độ Đại học chuyên ngành: Trắc địa mỏ-công trình - Mã số 752050302 (ngành: Kỹ thuật trắc địa-bản đồ - Mã số: 7520503). Thành phần tham dự:

- Các cán bộ tham gia giảng dạy Đại học chuyên ngành Trắc địa mỏ-công trình (ngành Trắc địa – bản đồ)
- Chủ trì cuộc họp: ThS. Nguyễn Quốc Long – Phụ trách bộ môn (Tổ trưởng công tác rà soát chương trình)
- Thư ký: TS. Lê Thị Thu Hà (Thư ký tổ công tác rà soát chương trình)

NỘI DUNG:

1. ThS. Nguyễn Quốc Long - chủ trì cuộc họp nêu lý do tổ chức cuộc họp.
2. ThS. Nguyễn Quốc Long thay mặt Bộ môn Trắc địa mỏ trình bày tóm tắt sự cần thiết về việc rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần, chuẩn đầu ra ở trình độ Đại học.
3. Các thành viên tham dự cuộc họp phát biểu ý kiến:
 - 3.1. TS. Vương Trọng Kha
 - 3.2. PGS.TS. Phạm Công Khải
 - 3.3. TS. Nguyễn Viết Nghĩa
 - 3.4. TS. Phạm Thị Lân
- * Các thành viên khác: Về cơ bản đồng ý với các nội dung điều chỉnh, bổ sung của Tổ công tác rà soát, điều chỉnh.
4. Các thành viên trong Tổ công tác rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo trả lời và giải đáp các ý kiến về việc điều chỉnh - bổ sung trong chương trình đào tạo.
5. ThS. Nguyễn Quốc Long tổng hợp các ý kiến và thống nhất các nội dung rà soát, điều chỉnh trong chương trình đào tạo và phân công nhiệm vụ cho các cá nhân trong việc điều chỉnh lại chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần, chuẩn đầu ra trước khi thông qua Hội đồng Khoa học và đào tạo Khoa, Nhà trường:

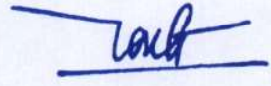
Cuộc họp kết thúc hồi 11h30' cùng ngày, biên bản cuộc họp được các thành viên tham dự họp nhất trí thông qua.

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2018

THƯ KÝ CUỘC HỌP


TS. Lê Thị Thu Hà

CHỦ TRÌ


ThS. Nguyễn Quốc Long

BIÊN BẢN HỘI THẢO

Về việc điều chỉnh phiên bản chương trình đào tạo năm 2016 với năm 2018

Ngày / /2018, bộ môn Trắc địa mỏ đã tổ chức Hội thảo lấy ý kiến đóng góp về việc điều chỉnh phiên bản chương trình đào tạo ở trình độ Đại học chuyên ngành/ ngành: Trắc địa mỏ - công trình.

Thành phần tham dự:

- Thành viên Hội đồng khoa học khoa Trắc địa – Bản đồ và Quản lý đất đai
- Thành viên Tổ công tác rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo
- Các Đại biểu khách mời
- Chủ trì cuộc họp: Nguyễn Quốc Long.;
- Thư ký: Lê Thị Thu Hà

NỘI DUNG:

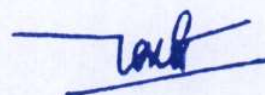
1. ThS. Nguyễn Quốc Long chủ trì buổi hội thảo nêu lý do tổ chức cuộc họp.
 2. TS. Lê Thị Thu Hà thay mặt bộ môn Trắc địa mỏ trình bày tóm tắt sự cần thiết về việc điều chỉnh phiên bản chương trình đào tạo ngành Trắc địa mỏ - công trình; các nội dung điều chỉnh - bổ sung, thay đổi trong CTĐT năm 2018
 3. Các thành viên tham dự cuộc họp phát biểu ý kiến
 - 3.1. TS. Vương Trọng Kha
 - 3.2. PGS.TS. Phạm Công Khải
 - 3.3. TS. Nguyễn Viết Nghĩa
 - 3.4. TS. Phạm Thị Làn
 4. Các thành viên trong Tổ công tác rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo trao đổi và giải đáp các ý kiến về việc điều chỉnh - bổ sung phiên bản trong chương trình đào tạo năm 2016 với năm 2018.
 5. ThS. Nguyễn Quốc Long tổng hợp các ý kiến và thống nhất các nội dung cần điều chỉnh phiên bản trong chương trình đào tạo năm 2016 với năm 2018.
- Buổi hội thảo kết thúc hồi 11h30 cùng ngày, biên bản hội thảo được các thành viên tham dự họp nhất trí thông qua.

THƯ KÝ CUỘC HỌP



TS. Lê Thị Thu Hà

CHỦ TRÌ



ThS. Nguyễn Quốc Long

Số: 1254/QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 5 tháng 4 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ đại học chuyên ngành Trắc địa mỏ và Công trình - Mã số: 752050302; ngành Kỹ thuật trắc địa - bản đồ - Mã số: 7520503 của Khoa Trắc địa - Bản đồ & Quản lý đất đai - Trường Đại học Mỏ - Địa chất

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Điều lệ trường đại học;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Thông tư 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 1463/QĐ-MĐC ngày 02/11/2017 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ vào Quyết định số 67/QĐ-MĐC ngày 17/01/2018 về việc thành lập Ban chỉ đạo rà soát và cập nhật chương trình đào tạo;

Căn cứ vào Quyết định số 88/QĐ-MĐC ngày 22/01/2018 về việc thành lập các Tổ công tác rà soát và cập nhật chương trình đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 1253/QĐ-MĐC ngày 1/3/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc thành lập Tổ công tác rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần, chuẩn đầu ra cho chuyên ngành Trắc địa mỏ và Công trình - Mã số: 752050302 (ngành Kỹ thuật trắc địa - bản đồ - Mã số: 7520503);

Xét đề nghị của Trường phòng Đào tạo Đại học, Trường phòng Đào tạo Sau đại học, Trường khoa Trắc địa - Bản đồ & Quản lý đất đai,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ đại học chuyên ngành Trắc địa mỏ và Công trình (ngành Kỹ thuật trắc địa - bản đồ) gồm các thành viên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ đại học tổ chức thực hiện thẩm định chương trình theo Quy định của Thông tư 22/2017/TT-BGDĐT và được hưởng các quyền lợi khác theo quy định hiện hành. Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Các ông (bà) Trường phòng Đào tạo Đại học, Trường phòng Đào tạo Sau đại học, Trường khoa Trắc địa - Bản đồ & Quản lý đất đai, Trường các đơn vị có liên quan và các thành viên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận: *[Chữ ký]*

- Như Điều 3 (để t/hiện);
- Lưu: HCTH, ĐTĐH₍₀₉₎.



PGS.TS Lê Hải An.

**DANH SÁCH HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ
ĐẠI HỌC CHUYÊN NGÀNH TRẮC ĐỊA MỎ VÀ CÔNG TRÌNH - MÃ SỐ: 752050302**



NGÀNH KỸ THUẬT TRẮC ĐỊA - BẢN ĐỒ - MÃ SỐ: 7520503)

(Kèm theo QĐ số: 1254/QĐ-MĐC ngày 5/4/2018

của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất)

TT	Họ tên	Đơn vị công tác	Nhiệm vụ
1	PGS.TS Nguyễn Đình Bé	Hội Trắc địa Bản đồ Viễn thám Việt Nam	Chủ tịch hội đồng
2	TS. Nguyễn Xuân Bắc	Khoa Trắc địa, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội	Thư ký
3	PGS.TS Trịnh Lê Hùng	Trường Học viện Kỹ thuật Quân sự	Ủy viên
4	TS. Nguyễn Bá Dũng	Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội	Ủy viên
5	TS. Vũ Thị Hằng	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Ủy viên
6	TS. Nguyễn Thế Công	Phó trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trường Đại học Mỏ - Địa chất	Ủy viên
7	TS. Nguyễn Viết Nghĩa	Bộ môn Trắc địa công trình, Trường Đại học Mỏ - Địa chất	Ủy viên
8	TS. Nguyễn Văn Sáng	Phó trưởng khoa Trắc địa - Bản đồ & Quản lý đất đai, Trường Đại học Mỏ - Địa chất	Ủy viên

Tổng số: 08 cán bộ./.

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
KHOA TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ
VÀ QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI**

Số: 0304-02/MĐC-TĐBĐ VÀ QLDD

V/v thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo
trình độ đại học ngành Trắc địa Mỏ Khoa Trắc địa Bản đồ
và Quản lý Đất đai - Trường Đại học Mỏ - Địa chất

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 03 tháng 4 năm 2018

Kính gửi:

- Ban Giám hiệu;
- Phòng Đào tạo Đại học.

Căn cứ Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sỹ, tiến sỹ;

Căn cứ Quyết định số 01/2017/QĐ-TTg ngày 17/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Thông tư 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 1463/QĐ-MĐC ngày 02/11/2017 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ vào Quyết định số 67/QĐ-MĐC ngày 17/01/2018 về việc thành lập Ban chỉ đạo rà soát và cập nhật chương trình đào tạo;

Căn cứ vào Quyết định số 88/QĐ-MĐC ngày 22/01/2018 về việc thành lập các Tổ công tác rà soát và cập nhật chương trình đào tạo;

Căn cứ vào cuộc họp của bộ môn Trắc địa mỏ về việc thành lập hội đồng thẩm định chương trình đào tạo cho chuyên ngành Trắc địa mỏ - Công trình Mã số: 752050302. Bộ môn đề nghị Ban Giám hiệu và phòng Đào tạo Đại học thành lập hội đồng thẩm định với danh sách như sau:

- | | |
|---------------------------|--|
| 1. PGS.TS. Nguyễn Đình Bé | Hội Trắc địa Bản đồ Viễn thám Việt Nam, Chủ tịch hội đồng |
| 2. TS Nguyễn Xuân Bắc | Khoa Trắc địa Trường Đại học tài Nguyên và Môi trường Hà nội ,
Thư ký |
| 3. PGS.TS Trịnh Lê Hùng | Trưởng Học viện Kỹ thuật Quân sự, Thành viên. |
| 4. TS. Nguyễn Bá Dũng | Trường ĐH Tài nguyên và Môi trường Hà nội. Thành viên. |
| 5. TS. Vũ Thị Hằng | Bộ tài nguyên và Mt Kho bạc Nhà nước, Thành viên. |
| 6. TS. Nguyễn Thế Công | Phòng Đào tạo Đại học, trường ĐH Mỏ- Địa chất |

7. TS Nguyễn Viết Nghĩa
8. TS Nguyễn Văn Sáng

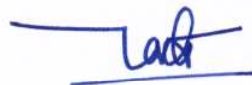
Trường ĐH Mở - Địa chất, Thành viên
Trường ĐH Mở - Địa chất, Thành viên, Thành viên

Hội đồng khoa học
Khoa Trắc địa bản đồ và quản lý đất đai



Trần Thụy Bình

Bộ môn Trắc địa mỏ



Nguyễn Quốc Long

BỘ MÔN TRẮC ĐỊA MỎ

**BIÊN BẢN THẨM ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC
BM TRẮC ĐỊA MỎ**

Hôm nay, vào lúc 8h30, ngày 12

tháng 04 năm 2018 tại phòng 10.08 C12, Trường Đại học Mỏ - Địa chất. Hội đồng thẩm định Chương trình đào tạo đại học chuyên ngành Trắc địa mỏ, Mã số: 752050302 của Trường Đại học Mỏ - Địa chất đã họp, cụ thể như sau:

I. Thành phần Hội đồng thẩm định

TT	Chức danh khoa học, họ và tên	Cơ quan công tác	Chuyên ngành	Trách nhiệm trong hội đồng	Ghi chú
1	PGS.TS Nguyễn Đình Bé	Hội Trắc địa - Bản đồ Viễn thám VN	Trắc địa mỏ	Chủ tịch	
2	TS. Nguyễn Xuân Bắc	Trường ĐH Tài nguyên và MT	Trắc địa mỏ	Thư ký	
3	PGS.TS Trịnh Lê Hùng	Học viện kỹ thuật quân sự	GIS	Phản biện	
4	TS. Nguyễn Bá Dũng	Trường Đại học Tài nguyên và MT	Trắc địa mỏ	Phản biện	
5	TS. Vũ Thị Hằng	Bộ Tài nguyên và MT	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Ủy viên	
6	TS. Nguyễn Thế Công	Phòng Đào tạo đại học, trường Đại học Mỏ - Địa chất	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Ủy viên	
7	TS. Nguyễn Viết Nghĩa	BM Trắc địa mỏ	Trắc địa mỏ	Ủy viên	
8	TS. Nguyễn Văn Sáng	BM Trắc địa cao cấp	Trắc địa	Ủy viên	

II. Nội dung thẩm định

1. Bộ môn báo cáo tóm tắt nội dung quá trình xây dựng và nội dung chương trình đào tạo đại học chuyên ngành Trắc địa mỏ với hai hướng chuyên sâu Trắc địa mỏ - công trình và Trắc địa cho kỹ thuật môi trường - Mã số: 752050302

2. Ý kiến của các thành viên Hội đồng về chương trình đào tạo

- Mục tiêu của chương trình phù hợp với xu thế đào tạo của chuyên ngành, phù hợp với chuyên ngành Trắc địa mỏ trình độ đào tạo đại học.

- Nhận xét về nội dung chương trình đào tạo:

Nội dung chương trình đào tạo đại học chuyên ngành Trắc địa mỏ trường Đại học Mỏ - Địa chất về cơ bản là phù hợp với mục tiêu và trình độ đào tạo. Tổng số tín

chỉ tích lũy gồm 161 tín chỉ (TC), trong đó bao gồm 49 tín chỉ giáo dục đại cương, 112 kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành, 14 tín chỉ thực tập và đồ án tốt nghiệp. Khối lượng kiến thức như vậy là phù hợp với thời gian đào tạo 5 năm, đảm bảo dung lượng kiến thức cần thiết để hoàn chỉnh chương trình đại học chuyên ngành Trắc địa mỏ.

Chương trình được thiết kế phù hợp chương trình khung chuyên ngành Trắc địa mỏ của Bộ GD&ĐT và có sự cập nhật các kiến thức hiện đại trong đào tạo đáp ứng yêu cầu của xã hội hiện nay.

Thời lượng của các học phần được thiết kế hợp lý, phân bổ trong 10 học kỳ bao gồm 9 học kỳ học tập trung tại trường và kỳ cuối cùng sinh viên đi thực tập và làm đồ án tốt nghiệp là phù hợp với nhu cầu hoàn chỉnh kiến thức và khả năng học tập của sinh viên.

Chương trình có tính đến yêu cầu nâng cao trình độ và nhu cầu học tập phục vụ cho sự phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam; chương trình đào tạo có tính thực tế cao.

3. Câu hỏi của hội đồng:

a. Chương trình có tính thực tế và tính chuyên sâu không?

b. Chương trình có tham khảo các chương trình đào tạo đại học chuyên ngành của các trường đại học khác không?

4. Bộ môn trả lời các câu hỏi của thành viên Hội đồng thẩm định

a. Tính thực tế của chương trình được thể hiện thông qua việc bố trí các môn học có tính thực hành cao vào chương trình đào tạo như các môn học thực tập các công tác trắc địa ngoại nghiệp, kiến thức tin học theo hướng chuyên sâu Trắc địa mỏ, trắc địa công trình và ứng dụng kỹ thuật địa tin học trong nghiên cứu các vấn đề về ô nhiễm và suy thoái tài nguyên, khoáng sản... Tính chuyên sâu của chương trình thể hiện ở việc chia khối lượng kiến thức chuyên sâu thành 2 hướng: chuyên sâu về Trắc địa mỏ - Công trình và chuyên sâu về Trắc địa cho kỹ thuật môi trường.

b. Chương trình đào tạo của ngành Trắc địa mỏ có sự tham khảo nhất định các chương trình đào tạo đại học của một số trường trên thế giới trên khung chương trình đào tạo của các nước Úc, Ba Lan, CHLB Đức, Nga, Trung Quốc theo các link sau:

[1]. <http://www.agh.edu.pl/en/education/education-offer/second-cycle-degree-programme/>

[2]. <http://www.studiesinaustralia.com/courses/curtin-university-faculty-of-science-and-engineering/7059/bachelor-of-surveying>

[3]. <https://www.rwth-aachen.de/cms/root/Forschung/Projekte/~oho/Koordinierte-DFG-Programme/lidx/1/>

[4]. <http://www.minesurveyor.net/studygraduates.php>.

5. Hội đồng thẩm định họp riêng thảo luận, bầu ban kiểm phiếu, bỏ phiếu kín.

Hội đồng đã thảo luận và tán thành đánh giá chương trình đào tạo chuyên ngành Trắc địa mỏ đạt yêu cầu, với kết quả 5/5 ý kiến đồng ý tán thành với chương trình đào tạo chuyên ngành với hai hướng chuyên sâu Trắc địa mỏ - Công trình và chuyên sâu về Trắc địa cho kỹ thuật môi trường .

6. Kết luận của Hội đồng thẩm định

Chương trình đào tạo đại học chuyên ngành Trắc địa mỏ đáp ứng được yêu cầu theo các quy định chung của Bộ giáo dục và Đào tạo, của Trường Đại học Mỏ - Địa chất. Chương trình được Hội đồng thẩm định thông qua và đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt.

Phiên họp kết thúc vào hồi 11h30, ngày 12 tháng 04 năm 2018.

Thư ký Hội đồng

(Ký và ghi rõ họ tên)



TS. Nguyễn Xuân Bắc

Chủ tịch Hội đồng

(Ký và ghi rõ họ tên)



PGS. TS Nguyễn Đình Bé

HIỆU TRƯỞNG



PHIẾU NHẬN XÉT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

Họ và tên người nhận xét: **Nguyễn Thế Công**

Học vị: Tiến sĩ

Năm bảo vệ:

Cơ quan công tác: Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường

Ngành: Kỹ thuật trắc địa bản đồ

Bản nhận xét cho chương trình đào tạo đại học chuyên ngành Trắc địa mỏ - Mã số:
752050302

Của bộ môn Trắc địa mỏ, Khoa Trắc địa - Bản đồ & Quản lý đất đai, Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

Ý KIẾN NHẬN XÉT

1. Về mục tiêu, chất lượng và nội dung của chương trình đào tạo:

- Chương trình đào tạo hệ đại học chuyên ngành Trắc địa mỏ được xây dựng phù hợp với quy chế đào tạo đại học hệ chính quy của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Chương trình được xây dựng phù hợp với điều kiện thực tế của Trường Đại học Mỏ - Địa chất trong lĩnh vực đào tạo cũng như phù hợp với xu thế đào tạo hiện hành đối với chuyên ngành Trắc địa mỏ.
- Các nội dung được xây dựng trong chương trình đào tạo phù hợp với mục tiêu và với trình độ đào tạo, phù hợp với yêu cầu phát triển của đất nước trong giai đoạn hiện nay, các khoa đang đào tạo ngành Trắc địa mỏ theo hai hướng chuyên sâu Trắc địa mỏ - công trình và Trắc địa cho kỹ thuật môi trường ở trên thế giới.
- Đề cương chi tiết của các học phần được xây dựng trong chương trình đào tạo về cơ bản được thiết kế khoa học, logic và đáp ứng được nội dung của các môn học.

- Các học phần được thiết kế với thời lượng cơ bản là hợp lý, logic. Thời lượng chung của chương trình đào tạo là khá phù hợp với chương trình khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo hiện hành.

- Kế hoạch đào tạo được sắp xếp và phân phối khá hợp lý, đảm bảo tính khoa học và phù hợp với điều kiện học tập của sinh viên.

2. Về hình thức chương trình:

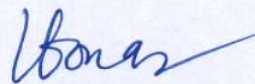
Hình thức chương trình đào tạo được biên soạn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Cấu trúc các học phần và khối kiến thức trong chương trình đào tạo phù hợp với mục tiêu, nội dung của chương trình đào tạo đảm bảo kiến thức cơ bản và chuyên sâu của chuyên ngành Trắc địa mỏ - Công trình, Trắc địa cho kỹ thuật môi trường. Hình thức trình bày tương đối chặt chẽ, phù hợp với chương trình khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với hệ đại học chính quy chuyên ngành Trắc địa mỏ - Công trình, Trắc địa cho kỹ thuật môi trường.

Ý KIẾN ĐỀ NGHỊ

Chương trình đào tạo hệ Đại học chính quy chuyên ngành Trắc địa mỏ của Trường Đại học Mỏ - Địa chất đã đáp ứng những yêu cầu cơ bản đào tạo Kỹ sư. Vì vậy, theo ý kiến của người nhận xét chương trình đào tạo có thể được thông qua và đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt.

Hà Nội, ngày 12 tháng 04 năm 2018

Người nhận xét ký tên



TS. Nguyễn Thế Công

PHIẾU NHẬN XÉT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

Họ và tên người nhận xét: PGS. TS Nguyễn Đình Bé.

Học vị: PGS. TS; *Năm phong: 1995; Năm bảo vệ: 1977*

Cơ quan công tác: Hội trắc địa bản đồ viễn thám Việt Nam

Ngành: Trắc địa mỏ

Tên chương trình đào tạo đại học: chuyên ngành Trắc địa mỏ - Công trình, chuyên ngành Trắc địa cho kỹ thuật môi trường - Mã số: *752050302*

Của bộ môn Trắc địa mỏ, Khoa Trắc địa-Bản đồ & Quản lý đất đai, Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

Ý KIẾN NHẬN XÉT

1. Về mục tiêu, chất lượng và nội dung của chương trình đào tạo:

+ *Về mục tiêu:*

Chương trình đào tạo đại học chuyên ngành Trắc địa mỏ - Công trình, Trắc địa cho kỹ thuật môi trường được xây dựng có mục tiêu rõ ràng, đảm bảo đào tạo sinh viên có kiến thức chuyên ngành chuyên sâu một cách toàn diện và có khả năng tự nghiên cứu, thiết kế, thi công trong lĩnh vực trắc địa mỏ, trắc địa, địa chính, bản đồ, và trong lĩnh vực nghiên cứu ứng dụng các kỹ thuật phân tích không gian trong nghiên cứu các vấn đề về suy thoái và ô nhiễm tài nguyên & môi trường. Chương trình đào tạo phù hợp với quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và xu thế đào tạo hiện nay đối với chuyên ngành Trắc địa mỏ - Công trình, Trắc địa cho kỹ thuật môi trường.

+ *Về chất lượng và nội dung:*

Nội dung được xây dựng trong chương trình đào tạo có chất lượng tốt, phù hợp với mục tiêu và với trình độ đào tạo hệ đại học chính quy, phù hợp với yêu cầu phát triển của đất nước và của ngành Trắc địa nói chung và ngành Trắc địa mỏ nói riêng trong giai đoạn hiện nay cũng như trong năng lực đào tạo của Nhà trường. Nội dung



chương trình được xây dựng trên cơ sở có sự tham khảo nhiều chương trình đào tạo đại học hiện có của các trường đại học trong và ngoài nước. Chương trình đại học đào tạo sinh viên chính quy nên tương đối toàn diện và đầy đủ.

Các học phần kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở ngành bắt buộc, kiến thức giáo dục chuyên ngành, thực tập tốt nghiệp và thi tốt nghiệp được thiết kế với thời lượng khá hợp lý, đảm bảo tính logic. Thời lượng chung của Chương trình đào tạo phù hợp với chương trình khung do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định.

2. Về hình thức chương trình:

Chương trình đào tạo được xây dựng có hình thức đảm bảo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Cấu trúc các học phần và khối kiến thức trong chương trình đào tạo phù hợp với mục tiêu, nội dung đảm bảo kiến thức cơ bản và chuyên sâu của chuyên ngành Trắc địa mỏ - Công trình, Trắc địa cho kỹ thuật môi trường. Hình thức trình bày được thiết kế khoa học và tương đối chặt chẽ, phù hợp với chương trình khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với hệ đại học chính quy chuyên ngành Trắc địa mỏ - Công trình, Trắc địa cho kỹ thuật môi trường.

Ý KIẾN ĐỀ NGHỊ

Chương trình đào tạo hệ Đại học chính quy chuyên ngành Trắc địa mỏ - Công trình, Trắc địa cho kỹ thuật môi trường của Trường Đại học Mỏ - Địa chất đã đáp ứng những yêu cầu cơ bản đào tạo Kỹ sư. Vì vậy, theo ý kiến của người nhận xét chương trình đào tạo có thể được thông qua và đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt.

Hà Nội, ngày 12 tháng 04 năm 2018

Người nhận xét ký tên



PGS.TS. Nguyễn Đình Bé

Hội Trắc địa Đào tạo - Viện thám VN
chứng nhận PGS.TS Nguyễn Đình Bé
là 1 ủy viên của Hội.

Hà Nội, ngày 17.4.2018



GS.TS. Võ Chí Mỹ
PHÓ CHỦ TỊCH
KIỂM TỔNG THỦ KÝ

**PHIẾU NHẬN XÉT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC
CHUYÊN NGÀNH “TRẮC ĐỊA MỎ”, MÃ SỐ 52520503**

Họ và tên người nhận xét: Trịnh Lê Hùng

Học hàm/Học vị: PGS.TS; năm phong: 2016; năm bảo vệ: 2012

Cơ quan công tác: Bộ môn Trắc địa – Bản đồ, Viện Kỹ thuật Công trình đặc biệt, Học viện Kỹ thuật Quân sự

Ngành: Kỹ thuật Trắc địa – Bản đồ

Ý KIẾN NHẬN XÉT

1. Về mục tiêu, chất lượng và nội dung của chương trình đào tạo:

- Chương trình đào tạo hệ đại học chuyên ngành Trắc địa Mỏ, mã số 52520503 được xây dựng phù hợp với Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Chương trình được xây dựng phù hợp với điều kiện thực tế của Trường Đại học Mỏ - Địa chất trong lĩnh vực đào tạo cũng như phù hợp với xu thế đào tạo hiện hành đối với chuyên ngành Trắc địa Mỏ.
- Các nội dung được xây dựng trong chương trình đào tạo phù hợp với mục tiêu và với trình độ đào tạo, phù hợp với yêu cầu phát triển của đất nước trong giai đoạn hiện nay đồng thời cũng đã có sự tham khảo nhất định các chương trình hiện có của các trường, các khoa đang đào tạo ngành Trắc địa Mỏ theo hai hướng chuyên sâu Trắc địa Mỏ - Công trình và Trắc địa cho kỹ thuật môi trường ở trên thế giới.
- Đề cương chi tiết của các học phần được xây dựng trong chương trình đào tạo về cơ bản được thiết kế khoa học, logic và đáp ứng được nội dung của các môn học.
- Các học phần được thiết kế với thời lượng cơ bản là hợp lý. Thời lượng chung của chương trình đào tạo là khá phù hợp với chương trình khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.



- Kế hoạch đào tạo được sắp xếp và phân phối khá hợp lý, đảm bảo tính khoa học và phù hợp với điều kiện học tập của sinh viên..

2. Về hình thức chương trình:

Chương trình đào tạo được biên soạn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Cấu trúc các học phần và khối kiến thức trong chương trình đào tạo phù hợp với mục tiêu, nội dung của chương trình đào tạo đảm bảo kiến thức cơ bản và chuyên sâu của chuyên ngành Trắc địa mỏ - Công trình, Trắc địa cho kỹ thuật môi trường. Hình thức trình bày được thiết kế khoa học và tương đối chặt chẽ, phù hợp với chương trình khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với hệ đại học chính quy chuyên ngành Trắc địa mỏ - Công trình, Trắc địa cho kỹ thuật môi trường.

Ý KIẾN ĐỀ NGHỊ

Chương trình đào tạo hệ Đại học chính quy chuyên ngành Trắc địa Mỏ đáp ứng đầy đủ những yêu cầu cơ bản đối với một chương trình đào tạo hệ Kỹ sư theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Người nhận xét đề nghị Trường Đại học Mỏ - Địa chất, Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét thông qua và phê duyệt.

Hà Nội, ngày 12 tháng 04 năm 2018

Người nhận xét ký tên



PGS.TS. Trịnh Lê Hùng

Xác nhận chữ ký của người viết
nhận xét



Đại tá
NGUYỄN TƯƠNG LAI

PHIẾU NHẬN XÉT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

Họ và tên người nhận xét: **Vũ Thị Hằng**

Học vị: Tiến sĩ

năm bảo vệ : 2016

Cơ quan công tác: Vụ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài nguyên và Môi trường

Ngành: Trắc địa

Bản nhận xét cho chương trình đào tạo đại học chuyên ngành Trắc địa mỏ - Mã số:
752050302

Của bộ môn Trắc địa mỏ, Khoa Trắc địa - Bản đồ & Quản lý đất đai, Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

Ý KIẾN NHẬN XÉT

1. Về mục tiêu, chất lượng và nội dung của chương trình đào tạo:

- Chương trình đào tạo hệ đại học chuyên ngành Trắc địa mỏ được xây dựng phù hợp với quy chế đào tạo đại học hệ chính quy của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Chương trình được xây dựng phù hợp với điều kiện thực tế của Trường Đại học Mỏ - Địa chất trong lĩnh vực đào tạo cũng như phù hợp với xu thế đào tạo hiện hành đối với chuyên ngành Trắc địa mỏ.

- Các nội dung được xây dựng trong chương trình đào tạo phù hợp với mục tiêu và với trình độ đào tạo, phù hợp với yêu cầu phát triển của đất nước trong giai đoạn hiện nay đồng thời cũng đã có sự tham khảo nhất định các chương trình hiện có của các trường, các khoa đang đào tạo ngành Trắc địa mỏ theo hai hướng chuyên sâu Trắc địa mỏ - công trình và Trắc địa cho kỹ thuật môi trường ở trên thế giới.



- Đề cương chi tiết của các học phần được xây dựng trong chương trình đào tạo về cơ bản được thiết kế khoa học, logic và đáp ứng được nội dung của các môn học.

- Các học phần được thiết kế với thời lượng cơ bản là hợp lý. Thời lượng chung của chương trình đào tạo là khá phù hợp với chương trình khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Kế hoạch đào tạo được sắp xếp và phân phối khá hợp lý, đảm bảo tính khoa học và phù hợp với điều kiện học tập của sinh viên..

2. Về hình thức chương trình:

Hình thức chương trình đào tạo được biên soạn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Cấu trúc các học phần và khối kiến thức trong chương trình đào tạo phù hợp với mục tiêu, nội dung của chương trình đào tạo đảm bảo kiến thức cơ bản và chuyên sâu của chuyên ngành Trắc địa mỏ - Công trình, Trắc địa cho kỹ thuật môi trường. Hình thức trình bày được thiết kế khoa học và tương đối chặt chẽ, phù hợp với chương trình khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với hệ đại học chính quy chuyên ngành Trắc địa mỏ - Công trình, Trắc địa cho kỹ thuật môi trường.

Ý KIẾN ĐỀ NGHỊ

Chương trình đào tạo hệ Đại học chính quy chuyên ngành Trắc địa mỏ của Trường Đại học Mỏ - Địa chất đã đáp ứng những yêu cầu cơ bản đào tạo Kỹ sư. Vì vậy, theo ý kiến của người nhận xét chương trình đào tạo có thể được thông qua và đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt.

Hà Nội, ngày 12 tháng 4 năm 2018

Xác nhận của cơ quan

TS. Vũ Thị Hằng hiện đang công tác tại Vụ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài nguyên và Môi trường

**T/L BỘ TRƯỞNG
BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
VỤ TRƯỞNG
VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**


TS. Trần Bình Trọng

Người viết nhận xét



TS. Vũ Thị Hằng

PHIẾU NHẬN XÉT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

Họ và tên người nhận xét: **Nguyễn Việt Nghĩa**

Học vị: Tiến sĩ Năm bảo vệ: 2016

Cơ quan công tác: BM Trắc địa mỏ, khoa Trắc địa-Bản đồ và QLDD, trường đại học Mỏ-Địa chất.

Ngành: Trắc địa mỏ

Tên chương trình đào tạo đại học: chuyên ngành Trắc địa mỏ, chuyên sâu Trắc địa mỏ - Công trình, chuyên sâu Trắc địa cho kỹ thuật môi trường - Mã số: 752050302

Của bộ môn Trắc địa mỏ, Khoa Trắc địa-Bản đồ & Quản lý đất đai, Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

Ý KIẾN NHẬN XÉT

1. Về mục tiêu, chất lượng và nội dung của chương trình đào tạo:

Chương đào tạo đại học chuyên ngành Trắc địa mỏ do trường Đại học Mỏ - Địa chất biên soạn theo người nhận xét đảm bảo đúng quy định và có chất lượng tốt.

Nội dung của chương trình đào tạo phù hợp với trình độ đào tạo, đảm bảo tính hiện đại và đáp ứng nhu cầu thực tiễn của xã hội.

Các học phần trong chương trình đào tạo có thời lượng các học phần được bố trí hợp lý, giúp người học có năng lực nghiên cứu, nắm vững kiến thức chuyên môn và kỹ năng thực hành tay nghề, đảm bảo đào tạo sinh viên có kiến thức chuyên ngành chuyên sâu một các toàn diện. Do đó, sinh viên sau khi tốt nghiệp hoàn toàn có thể đáp ứng được yêu cầu của nhà tuyển dụng, có thể làm việc tại các công ty thuộc các Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam, các công ty trực thuộc Bộ xây dựng, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Tài nguyên và môi trường, Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, v.v...

2. Về hình thức chương trình:

- Hình thức chương trình đào tạo được thiết kế khoa học và tương đối chặt chẽ, phù hợp với chương trình khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với hệ đại học chính quy chuyên ngành Trắc địa mỏ.

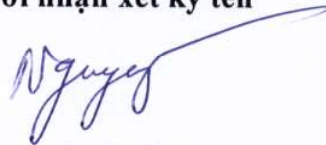
- Cấu trúc các học phần và khối kiến thức trong chương trình đào tạo phù hợp với mục tiêu, nội dung của chương trình đào tạo đảm bảo kiến thức cơ bản và chuyên sâu Trắc địa mỏ - Công trình, Trắc địa cho kỹ thuật môi trường.

Ý KIẾN ĐỀ NGHỊ

Chương trình đào tạo hệ Đại học chính quy chuyên ngành Trắc địa mỏ của Trường Đại học Mỏ - Địa chất đã đáp ứng những yêu cầu cơ bản đào tạo Kỹ sư. Vì vậy, theo ý kiến của người nhận xét chương trình đào tạo có thể được thông qua và đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt.

Hà Nội, ngày 12 tháng 04 năm 2018

Người nhận xét ký tên



TS. Nguyễn Viết Nghĩa

PHIẾU NHẬN XÉT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

Họ và tên người nhận xét: **Nguyễn Văn Sáng**

Học vị: Tiến sĩ

Năm bảo vệ: 2012

Cơ quan công tác: Bộ môn Trắc địa cao cấp, Khoa Trắc địa – Bản đồ và QLDD, Trường Đại học Mỏ - Địa chất

Ngành: Trắc địa

Bản nhận xét cho chương trình đào tạo đại học chuyên ngành Trắc địa mỏ - Mã số: 752050302

Của bộ môn Trắc địa mỏ, Khoa Trắc địa - Bản đồ & Quản lý đất đai, Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

Ý KIẾN NHẬN XÉT

1. Về mục tiêu, chất lượng và nội dung của chương trình đào tạo:

- Chương trình đào tạo hệ đại học chuyên ngành Trắc địa mỏ được xây dựng phù hợp với quy chế đào tạo đại học hệ chính quy của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Chương trình được xây dựng phù hợp với điều kiện thực tế của Trường Đại học Mỏ - Địa chất trong lĩnh vực đào tạo cũng như phù hợp với xu thế đào tạo hiện hành đối với chuyên ngành Trắc địa mỏ.
- Các nội dung được xây dựng trong chương trình đào tạo phù hợp với mục tiêu và với trình độ đào tạo, phù hợp với yêu cầu phát triển của đất nước trong giai đoạn hiện nay đồng thời cũng đã có sự tham khảo nhất định các chương trình hiện có của các trường, các khoa đang đào tạo ngành Trắc địa mỏ theo hai hướng chuyên sâu Trắc địa mỏ - công trình và Trắc địa cho kỹ thuật môi trường ở trên thế giới.
- Đề cương chi tiết của các học phần được xây dựng trong chương trình đào tạo về cơ bản được thiết kế khoa học, logic và đáp ứng được nội dung của các môn học.

- Các học phần được thiết kế với thời lượng cơ bản là hợp lý. Thời lượng chung của chương trình đào tạo là khá phù hợp với chương trình khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Kế hoạch đào tạo được sắp xếp và phân phối khá hợp lý, đảm bảo tính khoa học và phù hợp với điều kiện học tập của sinh viên..

2. Về hình thức chương trình:

Hình thức chương trình đào tạo được biên soạn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Cấu trúc các học phần và khối kiến thức trong chương trình đào tạo phù hợp với mục tiêu, nội dung của chương trình đào tạo đảm bảo kiến thức cơ bản và chuyên sâu của chuyên ngành Trắc địa mở - Công trình, Trắc địa cho kỹ thuật môi trường. Hình thức trình bày được thiết kế khoa học và tương đối chặt chẽ, phù hợp với chương trình khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với hệ đại học chính quy chuyên ngành Trắc địa mở - Công trình, Trắc địa cho kỹ thuật môi trường.

Ý KIẾN ĐỀ NGHỊ

Chương trình đào tạo hệ Đại học chính quy chuyên ngành Trắc địa mở của Trường Đại học Mở - Địa chất đã đáp ứng những yêu cầu cơ bản đào tạo Kỹ sư. Vì vậy, theo ý kiến của người nhận xét chương trình đào tạo có thể được thông qua và đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt.

Hà Nội, ngày 12 tháng 04 năm 2018

Người nhận xét ký tên



TS. Nguyễn Văn Sáng